

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2011 - 2015 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG,
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
5 NĂM 2016 - 2020

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2011 - 2015

Trước Đại hội Đảng lần thứ XI, hầu hết các nước trên thế giới thực hiện chính sách hỗ trợ tăng trưởng nhằm đối phó với khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu. Nhiều dự báo cho rằng, khủng hoảng có thể sớm kết thúc và triển vọng kinh tế thế giới sẽ phục hồi sau năm 2010. Trong nước, chúng ta thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, trong đó có chính sách kích cầu, hỗ trợ tăng trưởng. Giai đoạn 2006 - 2010 tăng trưởng kinh tế đạt 7%/năm. Nước ta đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào Nhóm các nước đang phát triển có thu nhập trung bình và hoàn thành nhiều mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ. Trên cơ sở kết quả đạt được của giai đoạn 2006 - 2010 và do chưa lường hết được những khó khăn, thách thức nên nhiều chỉ tiêu chủ yếu về kinh tế - xã hội đề ra cho 5 năm 2011 - 2015 là khá cao.

Sau Đại hội Đảng, tình hình thế giới diễn biến nhanh và rất phức tạp. Kinh tế phục hồi chậm hơn dự báo¹. Nhiều nước tăng cường bảo hộ thương mại và sản xuất. Khủng hoảng nợ công diễn ra trầm trọng hơn ở nhiều quốc gia. Các nước lớn cạnh tranh quyết liệt giành ảnh hưởng trong khu vực. Đối với nước ta, tác động của khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu làm cho mặt trái của chính sách kích cầu và những yếu kém nội tại của nền kinh tế bộc lộ nặng nề hơn. Lạm phát tăng cao, kinh tế vĩ mô không ổn định, sản xuất kinh doanh và đời sống nhân dân gặp nhiều khó khăn. Trong khi đó, thiên tai, dịch bệnh gây thiệt hại lớn và yêu cầu bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh ngày càng cao.

Trước diễn biến mới của tình hình, Trung ương Đảng, Bộ Chính trị đã kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: Tập trung ưu tiên kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; bảo đảm an sinh xã hội, cải thiện đời sống nhân dân; duy trì tăng trưởng ở mức hợp lý gắn với đẩy mạnh thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế và đổi mới mô hình tăng trưởng; bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định chính trị - xã hội; tăng cường hoạt động đối ngoại và nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế; tạo tiền đề vững chắc để tăng trưởng cao hơn ở những năm cuối của kế hoạch 5 năm.

¹. Tháng 10-2010, Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) dự báo kinh tế thế giới năm 2011 tăng 4,2%, giai đoạn 2012 - 2015 tăng 4,6%/năm. Thực tế tăng trưởng kinh tế thế giới (theo Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới của IMF vào tháng 10-2015) năm 2011 tăng 4,2%, năm 2012 tăng 3,4%, năm 2013 tăng 3,3%, năm 2014 tăng 3,4% và năm 2015 dự kiến tăng 3,1%.

Tình hình phức tạp, căng thẳng ở Biển Đông đe dọa nghiêm trọng hòa bình, ổn định và tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chúng ta kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và thực hiện các giải pháp phù hợp để giữ vững hòa bình và quan hệ hữu nghị với các nước. Đồng thời nỗ lực phấn đấu để đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

I- CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt và phối hợp tốt hơn với chính sách tài khóa. Đã cơ bản bảo đảm được các cân đối lớn của nền kinh tế. Tốc độ tăng giá tiêu dùng giảm mạnh, từ 18,13% năm 2011 xuống còn 0,6% vào năm 2015. Mặt bằng lãi suất giảm, năm 2015 chỉ bằng 40% so với năm 2011. Tỷ giá, thị trường ngoại hối ổn định. Khắc phục được cơ bản tình trạng sử dụng đô la, vàng trong giao dịch thanh toán. Niềm tin vào đồng tiền Việt Nam tăng lên. Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng khá cao, đạt bình quân 17,5%/năm; tỷ trọng sản phẩm chế biến trong cơ cấu hàng xuất khẩu tăng mạnh. Cán cân thương mại được cải thiện; cán cân thanh toán quốc tế thặng dư khá cao. Dự trữ ngoại hối tăng, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

Quản lý ngân sách nhà nước được tăng cường; chính sách thu được điều chỉnh linh hoạt, phù hợp, góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh, đáp ứng yêu cầu hội nhập; đẩy mạnh chống thất thu, chống chuyển giá, xử lý nợ đọng thuế, thu ngân sách tăng gần 2 lần so với giai đoạn 2006 - 2010. Chi ngân sách được quản lý chặt chẽ hơn, tiết kiệm và ưu tiên cho bảo đảm an sinh xã hội và phát triển con người. Huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tập trung vốn hoàn thành các công trình quan trọng, cấp bách và đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia được cơ cấu lại một bước và trong giới hạn theo quy định của pháp luật². Tăng cường quản lý thị trường, giá cả, bảo đảm cân đối cung - cầu các mặt hàng thiết yếu và đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

2. Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, từ năm 2013 dần phục hồi, năm sau cao hơn năm trước; chất lượng tăng trưởng được nâng lên

Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm đạt trên 5,9%/năm³. Quy mô và tiềm lực của nền kinh tế tiếp tục tăng lên; GDP năm 2015 đạt 193,4 tỉ USD, bình quân đầu người khoảng 2.109 USD⁴.

². Đến cuối năm 2015, tỷ lệ nợ công/GDP khoảng 61,3%, nợ chính phủ là 48,9%, nợ nước ngoài của quốc gia là 41,5% (theo Nghị quyết số 10/2011/QH13, ngày 08-11-2011 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 của Quốc hội, đến năm 2015 nợ công không quá 65% GDP, nợ Chính phủ không quá 50% GDP và nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP).

³. Tăng trưởng GDP năm 2011 đạt 6,24%, năm 2012: 5,25%, năm 2013: 5,42%, năm 2014: 5,98% và năm 2015 đạt 6,68%. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới tại Hội nghị đối tác phát triển Việt Nam (ngày 05-12-2014), trong giai đoạn khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu (2008 - 2013), tăng trưởng GDP bình quân đầu người của Trung Quốc đạt 8,5%, Việt Nam đạt 4,6%, In-đô-nê-xi-a đạt 4,5%, Phi-líp-pin đạt 3,3%, Thái Lan đạt 2,7%, Ma-lai-xi-a đạt 2,6%.

⁴. Tính theo giá hiện hành. Tính theo sức mua tương đương khoảng 5.800 USD. Theo điều tra mức sống dân cư, thu nhập bình quân đầu người năm 2014 của cả nước đạt 31,7 triệu đồng, trong đó khu vực thành thị là 47,6 triệu đồng, khu vực nông thôn là 24,5 triệu đồng.

Sản xuất công nghiệp từng bước phục hồi; giá trị gia tăng ngành công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 6,9%/năm⁵; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu công nghiệp tăng. Khu vực nông nghiệp cơ bản phát triển ổn định, giá trị gia tăng tăng bình quân 3,0%/năm; độ che phủ rừng đạt khoảng 40,7% vào năm 2015. Giá trị gia tăng khu vực dịch vụ tăng khá, bình quân 6,3%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng bình quân 14,1%/năm (loại trừ yếu tố giá tăng khoảng 5,6%). Tổng doanh thu từ khách du lịch tăng bình quân 21%/năm; khách quốc tế đạt 7,9 triệu lượt vào năm 2015.

Chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được nâng lên, đóng góp của khoa học, công nghệ tăng; năng suất lao động tăng bình quân 4,2%/năm, cao hơn giai đoạn trước⁶; vốn đầu tư được sử dụng hiệu quả hơn⁷; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 29%.

3. Ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện và đạt kết quả tích cực

3.1. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện; môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh có bước được cải thiện

Hệ thống pháp luật ngày càng được hoàn thiện, đáp ứng tốt hơn quá trình phát triển và hội nhập quốc tế. Đã ban hành và triển khai thực hiện Hiến pháp năm 2013. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định cụ thể hơn, từng bước thực thi có hiệu quả và tạo được sự đồng thuận trong xã hội. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường được hình thành và vận hành khá đồng bộ, gắn kết hiệu quả hơn với thị trường ngoài nước. Giá hàng hóa, dịch vụ đã cơ bản theo nguyên tắc thị trường. Thực hiện giá thị trường theo lộ trình đối với xăng dầu, than, điện, nước, dịch vụ giáo dục, y tế,... gắn với hỗ trợ các đối tượng chính sách, hộ nghèo, vùng khó khăn.

Môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, cạnh tranh minh bạch, bình đẳng hơn giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, góp phần huy động, phân bổ và sử dụng ngày càng hiệu quả các nguồn lực trong, ngoài nước cho phát triển kinh tế - xã hội. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước được tăng cường. Năng lực cạnh tranh có bước được nâng lên. Vai trò kinh tế ngoài nhà nước (không kể đầu tư nước ngoài) ngày càng được phát huy, đóng góp 38,5% tổng đầu tư toàn xã hội và 48,3% GDP.

3.2. Phát triển nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ đạt được những kết quả tích cực

Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ tiếp tục được hoàn thiện.

Mạng lưới giáo dục, đào tạo được mở rộng, quy mô và chất lượng được nâng lên, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của xã hội. Nội dung, phương pháp giáo dục, đào tạo, thi cử và kiểm định chất lượng có đổi mới. Cơ cấu đào tạo hợp lý hơn. Tập trung đầu tư cơ sở vật chất và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục, đào tạo. Chú trọng giáo dục, đào tạo vùng khó khăn và đồng bào dân tộc thiểu số. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý có bước phát triển. Xã hội hóa giáo dục, đào tạo được đẩy mạnh. Tỉ lệ nhập học mầm non, tiểu học, trung

⁵. Giá trị gia tăng ngành công nghiệp, xây dựng năm 2011 tăng 6,68%, năm 2012: 5,75%, năm 2013: 5,43%, năm 2014: 7,14%, năm 2015: 9,29%.

⁶. Bình quân giai đoạn 2006 - 2015 tăng 3,9%, trong đó giai đoạn 2006 - 2010 là 3,4%.

⁷. Tiêu hao điện năng trên một đơn vị GDP giảm từ 0,8 kWh năm 2010 xuống còn 0,71 - 0,72 kWh năm 2015. Chỉ số ICOR giai đoạn 2011 - 2015 khoảng 6,92 (giai đoạn 2006 - 2010 là 6,96).

học cơ sở đạt mức cao. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 51,6% vào năm 2015. Dạy nghề cho lao động nông thôn được quan tâm⁸.

Tiềm lực khoa học, công nghệ được tăng cường. Đầu tư từ ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ tăng bình quân 16,5%/năm, đạt khoảng 2% tổng chi ngân sách nhà nước. Đầu tư xã hội cho khoa học, công nghệ tăng nhanh, ước đạt 1,3% GDP vào năm 2015. Khoa học cơ bản đã có bước phát triển⁹. Ứng dụng khoa học và đổi mới công nghệ có bước tiến bộ, nhất là trong các lĩnh vực nông nghiệp, xây dựng, y tế, thông tin và truyền thông,... Các quỹ về khoa học và công nghệ được thành lập, bước đầu đi vào hoạt động và phát huy hiệu quả. Phát triển thị trường khoa học, công nghệ, tăng cường hoạt động kết nối cung - cầu, giá trị giao dịch công nghệ tăng bình quân 13,5%/năm. Hình thành một số mô hình gắn kết hiệu quả giữa viện, trường với doanh nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ.

3.3. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đạt kết quả quan trọng

Đã rà soát, bổ sung quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng với tầm nhìn tổng thể, dài hạn. Đa dạng hóa phương thức và nguồn vốn đầu tư. Hệ thống kết cấu hạ tầng được tập trung đầu tư xây dựng; nhiều công trình quan trọng, thiết yếu được đưa vào sử dụng, tạo diện mạo mới cho đất nước và đã góp phần tích cực phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Hạ tầng giao thông cả đường bộ, đường sắt, đường hàng không, hàng hải, đường thủy được quan tâm đầu tư, bảo đảm tốt hơn sự kết nối trên phạm vi cả nước và giao thương quốc tế¹⁰. Hạ tầng năng lượng cơ bản đáp ứng được yêu cầu phát triển và bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia¹¹. Hạ tầng thủy lợi được đầu tư, nâng cấp và khai thác hiệu quả hơn. Hạ tầng đô thị có bước được cải thiện, nhất là ở các thành phố lớn¹²; hạ tầng nông thôn được quan tâm đầu tư. Hạ tầng thương mại với hệ thống siêu thị, chợ phát triển khá nhanh. Hạ tầng thông tin truyền thông phát triển mạnh, đã phóng thành công và đưa vào sử dụng Vệ tinh Vinasat-2. Hạ tầng giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, y tế, văn hóa, thể thao, du lịch,... được quan tâm đầu tư.

4. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt được kết quả bước đầu

Đã triển khai thực hiện đề án cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng kết hợp giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng chiều sâu, nâng cao hiệu

⁸. Trong giai đoạn 2010 - 2015, đã có trên 4,1 triệu lao động nông thôn được đào tạo nghề theo Đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

⁹. Có hai trung tâm xuất sắc là Trung tâm Toán học quốc tế và Trung tâm Vật lý quốc tế được UNESCO công nhận và bảo trợ.

¹⁰. Bước đầu thiết lập mạng đường bộ cao tốc với các tuyến Hà Nội - Lào Cai; Thành phố Hồ Chí Minh - Long Thành - Dầu Giây; Bến Lức - Long Thành; Đà Nẵng - Quảng Ngãi; Hà Nội - Thái Nguyên; Hà Nội - Hải Phòng; Cầu Giẽ - Ninh Bình. Hoàn thành các công trình giao thông quan trọng: Nhà ga T2 Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, cầu Nhật Tân, đường cao tốc cầu Nhật Tân - Nội Bài, cảng Cái Mép - Thị Vải, cảng hàng không Phú Quốc mới, sân bay Thọ Xuân, cải tạo Cảng hàng không quốc tế Đà Nẵng, Cảng hàng không Vinh,... Hoàn thành các dự án cải tạo mở rộng Quốc lộ 1, đường Hồ Chí Minh đoạn qua Tây Nguyên vượt so với tiến độ dự kiến 1 năm. Đang xây dựng các tuyến tàu điện ngầm, đường sắt trên cao tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh, cảng cửa ngõ quốc tế Lạch Huyện, cầu Cao Lãnh, cầu Vàm Cống, đường bộ cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn, Trung Lương - Mỹ Thuận, Mỹ Thuận - Cần Thơ,... Theo đánh giá 2 năm một lần của Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF), năm 2014, WEF xếp hạng năng lực và chất lượng hạ tầng giao thông Việt Nam đứng vị trí 74, tăng 16 bậc so với năm 2012 và tăng 29 bậc so với năm 2010.

¹¹. Trong 5 năm 2011 - 2015, đã tăng thêm 18,1 nghìn MW công suất nguồn; khoảng 7,6 nghìn km truyền tải 500 kV, 220 kV và 37,4 nghìn MVA công suất các trạm biến áp. Nhiều công trình lớn đã hoàn thành và đang được xây dựng như: Thủy điện Sơn La, Lai Châu; Nhiệt điện Duyên Hải, Vĩnh Tân; đưa điện lưới ra các đảo Phú Quốc, Lý Sơn, Cô Tô, Vân Đồn,...

¹². Đến năm 2015 bảo đảm tưới trực tiếp cho 3,5 triệu ha đất canh tác, tạo nguồn tưới cho hơn 1 triệu ha, tiêu cho 1,7 triệu ha; tỉ lệ đô thị hóa dự báo đạt khoảng 35%.

quả và sức cạnh tranh. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng từ 79,9% năm 2011 lên 82,6% vào năm 2015; tỉ trọng nông nghiệp giảm từ 20,1% xuống còn 17,4%. Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm, còn 44,3%. Tập trung thực hiện cơ cấu lại về đầu tư công, hệ thống các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp nhà nước và cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Triển khai đề án cơ cấu lại ngành công thương, xây dựng.

4.1. Cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công

Thực hiện Luật Đầu tư công, đổi mới cơ chế phân bổ vốn theo kế hoạch đầu tư trung hạn. Tăng cường quản lý, chủ động rà soát, tập trung vốn đầu tư cho các công trình, dự án quan trọng, cấp thiết và vốn đối ứng các dự án ODA, khắc phục một bước tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả. Tập trung xử lý nợ xây dựng cơ bản. Hoàn thiện cơ chế phân cấp quản lý đầu tư, nâng cao hơn trách nhiệm của địa phương và chủ đầu tư. Hiệu quả đầu tư có bước được cải thiện; tổng đầu tư toàn xã hội so với GDP giảm mạnh (còn khoảng 32,6% GDP vào năm 2015) nhưng vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng hợp lý.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước. Tỉ trọng đầu tư công giảm dần, đầu tư ngoài nhà nước tăng lên. Đầu tư trực tiếp nước ngoài phục hồi, vốn đăng ký giai đoạn 2011 - 2015 đạt 99 tỉ USD, thực hiện đạt 60,5 tỉ USD. Vốn ODA ký kết khoảng 27,8 tỉ USD, giải ngân khoảng 22,3 tỉ USD, đóng góp quan trọng vào phát triển kết cấu hạ tầng. Đầu tư tư nhân trong nước tiếp tục tăng, chiếm khoảng 38,5% tổng đầu tư toàn xã hội.

4.2. Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tài chính, tín dụng

Đã tích cực, chủ động cơ cấu lại các tổ chức tín dụng; giám sát chặt chẽ và sắp xếp lại các ngân hàng thương mại cổ phần yếu kém, có nguy cơ đổ vỡ; tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, bảo đảm an toàn hệ thống. Các tổ chức tín dụng từng bước áp dụng chuẩn mực quản trị theo thông lệ quốc tế, hiệu quả hoạt động được nâng lên, chất lượng tín dụng được cải thiện; dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế giai đoạn 2011 - 2015 tăng 13,5%/năm, riêng năm 2015 tăng 18%. Triển khai thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu; phát huy vai trò của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng (VAMC). Tỉ lệ nợ xấu giảm dần, đến cuối năm 2015 về mức dưới 3%.

Các công ty tài chính, chứng khoán, bảo hiểm từng bước được cơ cấu lại; công tác kiểm tra, giám sát được tăng cường; thông tin ngày càng công khai, minh bạch; hiệu quả hoạt động được cải thiện. Quy mô thị trường ngày càng tăng, mức vốn hóa thị trường cổ phiếu đạt khoảng 33% GDP, thị trường trái phiếu đạt 23% GDP vào cuối năm 2015. Tổng doanh thu thị trường bảo hiểm giai đoạn 2011 - 2015 tăng bình quân 17%/năm, tính đến cuối năm 2015 bằng khoảng 2% GDP.

4.3. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty

Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước đạt được những kết quả tích cực. Doanh nghiệp nhà nước cơ bản thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Tập trung hơn vào những lĩnh vực then chốt, quốc phòng, an ninh, cung ứng hàng hóa và dịch vụ công thiết yếu. Quản lý nhà nước được tăng cường. Hệ thống pháp luật về doanh nghiệp nhà nước được hoàn thiện. Xác định rõ quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp và công khai, minh bạch hoạt động của doanh nghiệp nhà nước. Cổ phần hóa và thoái vốn đầu tư ngoài ngành theo cơ chế thị trường được đẩy mạnh. Năng lực quản trị, tiềm lực tài chính và hiệu quả sản xuất kinh doanh

của doanh nghiệp nhà nước được nâng lên; vốn nhà nước được bảo toàn và phát triển; giá trị tài sản tăng; tỉ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu trong giới hạn quy định. Các doanh nghiệp sau cổ phần hóa đều đạt hiệu quả sản xuất kinh doanh tốt hơn.

4.4. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới bước đầu đạt kết quả tích cực. Tập trung tổ chức lại sản xuất, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi theo nhu cầu thị trường và xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa quy mô lớn, liên kết sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm gắn với bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm; nhân rộng mô hình sản xuất hiệu quả cao. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ. Sản lượng lương thực tăng ổn định, sản lượng lúa năm 2015 đạt 45,2 triệu tấn. Phát triển mạnh khai thác, nuôi trồng, chế biến thủy sản với chất lượng và hiệu quả cao hơn. Công tác bảo vệ và phát triển rừng được chú trọng. Xuất khẩu của khu vực nông nghiệp năm 2015 đạt 30 tỉ USD, tăng 5,6% so với năm 2010; một số mặt hàng nông sản xuất khẩu đạt thứ hạng cao trên thế giới như gạo, cà phê, cao su, hồ tiêu, hạt điều, cá tra, tôm, sản phẩm gỗ chế biến,...

Chương trình xây dựng nông thôn mới được cả nước đồng tình, ủng hộ. Đã rà soát, điều chỉnh các chính sách, tiêu chí phù hợp hơn với đặc thù từng vùng, thu hút được nhiều nguồn lực và sự tham gia đông đảo của người dân. Đến hết năm 2015 có 1.566 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm 17,5% tổng số xã.

4.5. Cơ cấu lại công nghiệp, dịch vụ và điều chỉnh quy hoạch phát triển vùng

Cơ cấu công nghiệp chuyên dịch tích cực; tỉ trọng công nghiệp khai khoáng giảm; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo so với toàn ngành công nghiệp tăng từ 49,8% năm 2010 lên 50,5% vào năm 2015. Tập trung cơ cấu lại ngành, lĩnh vực và sản phẩm theo hướng nâng cao giá trị quốc gia, giá trị gia tăng, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm. Tích cực mở rộng thị trường ở các nước, các khu vực, không phụ thuộc quá lớn vào một thị trường. Từng bước tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Năng lực và trình độ công nghệ ngành xây dựng được nâng lên.

Đóng góp của ngành dịch vụ vào tăng trưởng ngày càng tăng; tỉ trọng dịch vụ trong GDP tăng từ 42,0% năm 2011 lên 44,1% vào năm 2015. Đã tập trung phát triển các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, có hàm lượng khoa học, công nghệ cao như công nghệ thông tin, truyền thông, logistics¹³, hàng không, tài chính, ngân hàng, du lịch, thương mại điện tử,... Mạng lưới thương mại và dịch vụ phát triển mạnh trên phạm vi cả nước, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Ngành du lịch tiếp tục được cơ cấu lại theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, tập trung đầu tư cơ sở vật chất và phát triển đa dạng các sản phẩm, nhất là tại các vùng du lịch trọng điểm.

Quy hoạch phát triển ngành, vùng, sản phẩm được rà soát, điều chỉnh phù hợp hơn với kinh tế thị trường. Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 6 vùng kinh tế - xã hội, 4 vùng kinh tế trọng điểm. Hỗ trợ phát triển vùng khó khăn, nhất là Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và phía tây các tỉnh miền Trung. Phát triển hạ tầng và thu hút đầu tư vào các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu.

¹³. Luật Thương mại năm 2005 (Điều 233) ghi: "Dịch vụ logistics là hoạt động thương mại, theo đó thương nhân tổ chức thực hiện một hoặc nhiều công việc bao gồm nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hóa theo thỏa thuận với khách hàng để hưởng thù lao".

Tập trung thực hiện Chiến lược biển. Đầu tư phát triển các ngành kinh tế biển, nhất là khai thác dầu khí, vận tải biển, cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển, du lịch biển, nuôi trồng thủy sản; phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá và đẩy mạnh khai thác xa bờ. Gắn phát triển kinh tế biển với bảo vệ chủ quyền biển, đảo.

5. Văn hóa, xã hội có bước phát triển, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện

Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả tích cực. Chính sách an sinh xã hội được tiếp tục bổ sung, hoàn thiện trên các lĩnh vực lao động, việc làm, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, người có công và bảo trợ xã hội. An sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Nhận thức của người dân về tự bảo đảm an sinh xã hội có tiến bộ, huy động nguồn lực xã hội cho chính sách xã hội tốt hơn. Đã hoàn thành trước thời hạn nhiều mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.

Trong bối cảnh kinh tế có nhiều khó khăn, đã tăng thêm ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực để thực hiện tốt hơn các chính sách xã hội, ưu tiên vùng sâu, vùng xa, vùng bị thiên tai và đồng bào dân tộc thiểu số.

Mở rộng đối tượng thụ hưởng, nâng mức hỗ trợ và thực hiện đồng bộ nhiều chính sách đối với người có công, giảm nghèo, trợ giúp xã hội, hỗ trợ nhà ở, tạo việc làm, đào tạo nghề, hỗ trợ sản xuất, hỗ trợ tín dụng cho học sinh, sinh viên nghèo. Nhìn chung, gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn mức trung bình trên địa bàn nơi cư trú. Thị trường lao động có bước phát triển. Trong 5 năm đã tạo việc làm cho khoảng 7,8 triệu người, trong đó đi lao động ở nước ngoài khoảng 469 nghìn người. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 2%/năm, từ 14,2% cuối năm 2010 xuống dưới 4,5% năm 2015; riêng các huyện nghèo giảm khoảng 6%/năm, từ 58,3% xuống còn 28%. Tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi năm 2015 là 2,3%. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tăng¹⁴. Diện tích nhà ở bình quân đầu người tăng từ 17,5 m² năm 2010 lên 22 m² năm 2015. Nhà ở xã hội được quan tâm đầu tư, hỗ trợ.

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Tuổi thọ trung bình tăng, đạt 73,3 tuổi vào năm 2015. Làm tốt công tác y tế dự phòng, không để dịch bệnh lớn xảy ra. Chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên, ứng dụng nhiều thành tựu khoa học - công nghệ kỹ thuật cao. Đã tích cực triển khai nhiều giải pháp giảm quá tải bệnh viện và đạt kết quả bước đầu. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống các bệnh viện tuyến huyện, tuyến tỉnh và tuyến cuối. Đội ngũ cán bộ y tế phát triển cả về số lượng và chất lượng. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao ý thức và đổi mới cơ chế tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập, bước đầu thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ giá dịch vụ y tế cùng với thực hiện hỗ trợ cho đối tượng chính sách, người nghèo. Các cơ sở y tế tư nhân, y học cổ truyền và công nghiệp dược được khuyến khích phát triển. Tăng cường quản lý chất lượng và giá thuốc chữa bệnh. Chú trọng quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm.

Công tác chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; công tác gia đình, bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ đạt kết quả tích cực. Các

¹⁴. Đến cuối năm 2015, đã có trên 12 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, khoảng 10 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và 75% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

giá trị văn hóa dân tộc, di tích lịch sử được quan tâm bảo tồn, phát huy. Nhiều di sản văn hóa vật thể, phi vật thể được công nhận là di sản văn hóa quốc gia và thế giới. Sản phẩm văn hóa, văn học - nghệ thuật ngày càng phong phú. Các phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa; thể dục, thể thao được đẩy mạnh.

Chính sách dân tộc được quan tâm; tự do tín ngưỡng, tôn giáo được bảo đảm. Công tác dân vận được chú trọng, vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân được củng cố, phát huy. Các cơ quan báo chí, xuất bản làm tốt hơn nhiệm vụ thông tin, tuyên truyền.

6. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường

Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tiếp tục được hoàn thiện. Công tác kiểm tra, thanh tra việc thực thi và xử lý vi phạm được chú trọng.

Việc quản lý, sử dụng đất đai, nguồn nước, khoáng sản chặt chẽ và hiệu quả hơn. Công tác điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, định giá tài nguyên có bước tiến bộ; khai thác, sử dụng phù hợp hơn theo cơ chế thị trường và được giám sát chặt chẽ hơn. Quan tâm khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn năng lượng tái tạo và vật liệu thay thế, thân thiện với môi trường.

Các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và xử lý cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng được tích cực thực hiện. Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải nguy hại đạt khoảng 75%; chất thải rắn y tế đạt 80%; tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 90% vào năm 2015. Quan tâm bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ và phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng tăng, đạt khoảng 40,7% vào năm 2015. Tỷ lệ dân số thành thị sử dụng nước sạch đạt 82%, tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 86% vào năm 2015.

Phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai được chú trọng, đạt nhiều kết quả. Năng lực cảnh báo, dự báo thiên tai được tăng cường, chất lượng có bước được nâng lên. Nhiều dự án ứng phó với biến đổi khí hậu kết hợp phòng, chống thiên tai được triển khai, tranh thủ được sự hợp tác, hỗ trợ của nhiều đối tác.

7. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; cải cách hành chính đạt những kết quả tích cực; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được chú trọng

Cải cách hành chính được đẩy mạnh. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách tiếp tục được hoàn thiện. Chất lượng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có bước được nâng lên. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trợ giúp pháp lý cho người dân được chú trọng. Hiệu quả thực thi pháp luật được nâng lên.

Kiến toàn tổ chức bộ máy, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức. Tập trung cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước đổi mới hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, công khai, đơn giản hóa thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian thực hiện, tạo điều kiện thuận lợi, giảm chi phí, tiết kiệm thời gian cho người dân, doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Tiếp tục hoàn thiện phương

thức hoạt động và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước. Chế tài xử lý vi phạm được hoàn thiện hơn.

Thế chế, tổ chức bộ máy phòng, chống tham nhũng, lãng phí tiếp tục được hoàn thiện. Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm và công khai kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng. Các vụ án tham nhũng được chỉ đạo điều tra, truy tố, xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Nhiều giải pháp tiết kiệm, chống lãng phí được triển khai thực hiện. Nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo. Hạn chế phát sinh mới các khiếu nại vượt cấp và tập trung xử lý nhiều vụ việc tồn đọng kéo dài.

8. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền quốc gia được giữ vững

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng lên. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bằng các giải pháp phù hợp để bảo vệ chủ quyền quốc gia và giữ vững môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển kinh tế - xã hội. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân được củng cố và gắn kết chặt chẽ hơn. Sức mạnh tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân được nâng lên. Công tác nghiên cứu khoa học về lĩnh vực quốc phòng đạt được một số kết quả, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển kỹ thuật quốc phòng. Kết hợp hiệu quả hơn giữa phát triển kinh tế với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Chính trị, xã hội ổn định; an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, không để bị động, bất ngờ. Ứng phó kịp thời với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống. Công tác phòng, chống tội phạm và bảo đảm trật tự, an toàn giao thông¹⁵, phòng, chống cháy nổ và an toàn lao động được tập trung chỉ đạo, đạt được một số kết quả tích cực.

9. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực

Các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt được nhiều kết quả, góp phần quan trọng tạo môi trường, điều kiện thuận lợi và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Kiên định trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia, dân tộc. Quản lý và xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác phát triển với các nước láng giềng. Làm tốt công tác bảo hộ công dân.

Tăng cường hợp tác và đối thoại chiến lược với nhiều đối tác; nâng cấp quan hệ song phương với một số quốc gia thành đối tác chiến lược và đối tác hợp tác toàn diện; đưa quan hệ hợp tác với các đối tác đi vào chiều sâu, thực chất và hiệu quả hơn. Đã chủ động tham gia tích cực, có trách nhiệm trong các tổ chức, diễn đàn khu vực và quốc tế, nhất là Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Liên hợp quốc. Kiên trì cùng ASEAN thúc đẩy thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên trên Biển Đông (DOC) và tiến tới xây dựng Bộ quy tắc ứng xử trên Biển Đông (COC). Tích cực triển khai các hiệp định, thỏa thuận thương mại đã có và đàm phán, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để mở rộng, đa dạng hóa thị trường, thúc đẩy phát triển và nâng cao tính tự chủ của nền kinh tế. Vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên.

¹⁵. Trong điều kiện phương tiện giao thông tăng nhanh, số người chết do tai nạn giao thông giảm từ 11.395 người năm 2011 xuống còn 7.971 người tính đến ngày 15-11-2015.

II- CÁC HẠN CHẾ, YẾU KÉM

1. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định nhưng chưa vững chắc

Việc kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế chưa thực sự bền vững. Cân đối ngân sách nhà nước còn khó khăn; cơ cấu chi ngân sách chưa phù hợp; còn thất thu ngân sách; một số khoản chi chưa được quản lý chặt chẽ, chi thường xuyên tăng nhanh; bội chi ngân sách còn cao, chưa đạt mục tiêu giảm xuống còn 4,5% GDP. Tuy vẫn bảo đảm trong giới hạn quy định nhưng nợ công tăng nhanh, áp lực trả nợ lớn; sử dụng vốn vay ở một số dự án kém hiệu quả và còn thất thoát, lãng phí. Đóng góp của khu vực kinh tế trong nước vào tăng trưởng xuất khẩu thấp¹⁶. Chất lượng tín dụng chưa cao, xử lý nợ xấu còn gặp nhiều khó khăn. Thị trường vốn, chứng khoán, bất động sản phát triển chưa đồng bộ, thiếu bền vững và còn tiềm ẩn rủi ro. Tình hình buôn lậu, gian lận thương mại diễn biến phức tạp.

2. Kinh tế phục hồi còn chậm, tăng trưởng chưa đạt chỉ tiêu đề ra; chất lượng tăng trưởng một số mặt còn thấp

Tăng trưởng GDP bình quân đạt 5,9%/năm, thấp hơn 5 năm trước và chưa đạt chỉ tiêu đề ra. Khoảng cách phát triển so với các nước trong khu vực còn lớn. Sản xuất nông nghiệp hiệu quả chưa cao; công nghiệp và dịch vụ tăng thấp hơn giai đoạn trước. Tổng cầu tăng chậm, sản xuất kinh doanh và tiêu thụ sản phẩm còn nhiều khó khăn, nhất là nông sản. Số lượng doanh nghiệp trong nền kinh tế tăng chậm. Doanh nghiệp quy mô lớn còn ít. Số doanh nghiệp ngừng hoạt động, giải thể còn lớn. Nhiều doanh nghiệp khó tiếp cận vốn tín dụng, hiệu quả hoạt động chưa cao. Chưa huy động được cao nhất các nguồn lực của khu vực tư nhân vào đầu tư phát triển. Việc sử dụng tài nguyên còn lãng phí, kém hiệu quả.

Chất lượng tăng trưởng một số mặt còn thấp, cải thiện còn chậm; năng suất nhiều ngành, lĩnh vực còn thấp; công nghệ sản xuất phần lớn còn lạc hậu. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng còn hạn chế, hệ số sử dụng vốn (ICOR) còn cao. Năng lực cạnh tranh quốc gia chưa được cải thiện nhiều, nhất là về thể chế kinh tế, kết cấu hạ tầng và đổi mới công nghệ.

3. Thực hiện các đột phá chiến lược và tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt mục tiêu đề ra

3.1. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, chưa tạo được đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Thể chế kinh tế thị trường chưa thật đồng bộ, thông suốt; chưa thực sự là động lực tạo đột phá để huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường kinh doanh. Nhiều quy định trong hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách và quản lý, điều hành chưa tuân thủ đầy đủ quy luật của kinh tế thị trường, nhất là trong phân bổ nguồn lực, quản lý giá hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu và chưa bảo đảm cạnh tranh bình đẳng. Các loại thị trường vận hành còn nhiều vướng mắc và hiệu quả chưa cao.

¹⁶. Năm 2015, tỉ lệ xuất khẩu của khu vực trong nước chiếm 31,8% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Quản lý nhà nước chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Cải cách hành chính và năng lực tạo dựng thể chế để bảo đảm cho doanh nghiệp, người dân tự do kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng trong kinh tế thị trường còn nhiều hạn chế.

3.2. Phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học, công nghệ còn chậm

Chất lượng giáo dục, đào tạo, nhất là giáo dục đại học và đào tạo nghề cải thiện còn chậm; thiếu lao động chất lượng cao. Hệ thống giáo dục còn thiếu tính liên thông, chưa thật hợp lý và thiếu đồng bộ. Công tác phân luồng và hướng nghiệp còn hạn chế. Đổi mới giáo dục, đào tạo có mặt còn lúng túng¹⁷. Tình trạng mất cân đối trong cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo khắc phục còn chậm, công tác đào tạo chưa gắn chặt chẽ với nhu cầu xã hội. Cơ chế, chính sách có mặt chưa phù hợp; xã hội hóa còn chậm và gặp nhiều khó khăn, chưa thu hút được nhiều nguồn lực ngoài nhà nước cho phát triển giáo dục, đào tạo. Cơ sở vật chất vẫn còn thiếu và lạc hậu. Chất lượng dạy và học ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn thấp. Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý chưa đáp ứng yêu cầu.

Khoa học, công nghệ chưa thật sự trở thành động lực để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Chưa có giải pháp đủ mạnh để khuyến khích doanh nghiệp và thu hút đầu tư tư nhân cho nghiên cứu, đổi mới và ứng dụng khoa học, công nghệ. Đầu tư cho khoa học, công nghệ hiệu quả chưa cao. Việc xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ công lập còn chậm. Tiềm lực khoa học, công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu. Hiệu quả sử dụng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia và kết quả hoạt động của các khu công nghệ cao còn thấp. Thị trường khoa học, công nghệ phát triển còn chậm, nhất là việc chuyển giao công nghệ. Cơ chế quản lý khoa học, công nghệ chậm được đổi mới, nhất là về tài chính, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài. Việc sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ còn dàn trải, hiệu quả chưa cao. Năng lực đội ngũ khoa học, công nghệ còn hạn chế, thiếu các nhà khoa học đầu ngành. Số lượng sáng chế, công trình khoa học công bố trên các tạp chí quốc tế có uy tín còn ít.

3.3. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển

Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn nhiều mặt hạn chế, chưa đồng bộ, hiệu quả kết nối và chất lượng chưa cao. Quy hoạch kết cấu hạ tầng, nhất là ở các đô thị lớn chưa đáp ứng yêu cầu. Phát triển đường cao tốc và đầu tư nâng cấp một số tuyến quốc lộ quan trọng còn chậm; mạng lưới đường sắt khổ hẹp, lạc hậu; một số cảng biển, sân bay đã quá tải. Hiệu quả hoạt động của ngành điện còn thấp; chất lượng điện chưa ổn định. Nhiều hệ thống thủy lợi chưa đồng bộ, xuống cấp nghiêm trọng. Chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Công tác đảm bảo an ninh, an toàn mạng còn nhiều khó khăn. Quản lý đô thị còn nhiều mặt yếu kém, hạ tầng chưa đồng bộ, kém chất lượng và quá tải tại các thành phố lớn. Hệ thống cấp, thoát nước còn bất cập; tình trạng ngập úng tại các thành phố lớn chậm được xử lý. Công nghệ xử lý chất thải rắn còn lạc hậu. Chưa có đột phá trong cơ chế, chính sách thu hút nguồn lực ngoài nhà nước tham gia đầu tư kết cấu hạ tầng.

¹⁷. Chương trình, nội dung, phương pháp dạy và học, kiểm tra, thi cử, đánh giá chất lượng lạc hậu, đổi mới chậm, lúng túng.

Nhiều tiêu chí để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại dự kiến không đạt như GDP bình quân đầu người, tỉ trọng công nghiệp chế tạo và tỉ trọng nông nghiệp trong GDP, tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội, tỉ lệ đô thị hóa, điện sản xuất bình quân đầu người, chỉ số phát triển con người, chỉ số bất bình đẳng thu nhập, tỉ lệ lao động qua đào tạo, tỉ lệ dân số sử dụng nước sạch¹⁸.

4. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm, chưa đồng bộ

Mô hình tăng trưởng chưa chuyển đổi kịp theo yêu cầu phát triển, còn phụ thuộc nhiều vào vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp. Cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch chưa đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đầu vào sản xuất của một số ngành còn lệ thuộc nhiều vào nhập khẩu. Sản xuất kinh doanh chưa gắn được nhiều với mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Xuất khẩu thô, xuất khẩu dưới hình thức gia công còn lớn; hàm lượng giá trị quốc gia và giá trị gia tăng còn thấp.

Đổi mới công nghệ và phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp công nghệ cao còn chậm; tỉ lệ nội địa hóa của doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài còn thấp. Năng suất lao động còn thấp. Tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo chỉ đạt khoảng 18% GDP vào năm 2015, thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực¹⁹. Chưa phát triển được nhiều sản phẩm có giá trị công nghệ cao, có khả năng cạnh tranh trên thị trường khu vực và quốc tế.

Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới còn chậm và kết quả đạt được chưa đồng đều, chưa đạt mục tiêu đề ra; nguồn lực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn chưa đáp ứng yêu cầu. Ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, cơ giới hóa, công nghiệp chế biến nông sản và dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu. Hợp tác, liên kết trong sản xuất nông nghiệp phát triển còn chậm, kinh tế tập thể hoạt động còn lúng túng. Sản xuất nông nghiệp còn manh mún, thiếu bền vững, hiệu quả chưa cao; chất lượng sản phẩm, năng suất lao động và thu nhập của người nông dân còn thấp. Tỉ trọng lao động trong nông nghiệp còn lớn.

Nhiều ngành dịch vụ phát triển chậm, chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là các dịch vụ có giá trị gia tăng và hàm lượng khoa học, công nghệ cao. Hệ thống phân phối còn nhiều bất cập, chi phí trung gian lớn, chưa kết nối thông suốt, hiệu quả và chưa bảo đảm hài hòa lợi ích giữa các khâu từ sản xuất đến tiêu thụ. Phát triển du lịch còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chất lượng dịch vụ còn thấp, tính chuyên nghiệp chưa cao.

Một số vùng kinh tế trọng điểm, khu kinh tế chưa phát huy được vai trò đầu tàu cho tăng trưởng kinh tế. Không gian phát triển nhiều mặt còn bị chia cắt theo địa giới hành chính.

¹⁸. Đến năm 2020, dự kiến có 10/15 chỉ tiêu không đạt tiêu chí các nước công nghiệp: GDP bình quân đầu người đạt 3.200 - 3.500 USD theo giá thực tế (theo tiêu chí nước công nghiệp là trên 5.000 USD, giá năm 2010); tỉ trọng công nghiệp chế tạo trong GDP đạt 15% (theo tiêu chí: trên 20%); tỉ trọng nông nghiệp trong GDP dự kiến đạt 15% (theo tiêu chí: dưới 10%); tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đạt 40% (theo tiêu chí: 20 - 30%); tỉ lệ đô thị hóa đạt 38 - 40% (theo tiêu chí: trên 50%); điện sản xuất bình quân đầu người đạt 2.800 kWh/người (theo tiêu chí: trên 3.000 kWh/người); chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,67 (theo tiêu chí: trên 0,7); chỉ số bất bình đẳng thu nhập (Gini) khoảng 0,38 - 0,4 (theo tiêu chí: 0,32 - 0,38); tỉ lệ lao động qua đào tạo (có bằng cấp, chứng chỉ) trong tổng lao động xã hội đạt 25% (theo tiêu chí: trên 55%); tỉ lệ dân số sử dụng nước sạch dưới 92% (theo tiêu chí: 100%).

¹⁹. Năm 2014, tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo của Ma-lai-xi-a 24,5% GDP; Thái Lan 29% GDP; In-đô-nê-xi-a 25,5% GDP.

Thiếu thể chế tạo liên kết giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng để phát huy cao nhất tiềm năng, lợi thế.

Cơ cấu lại đầu tư công ở một số ngành, địa phương chưa đáp ứng yêu cầu; đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp, thất thoát, lãng phí ở một số dự án còn lớn; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản chậm. Cơ chế, chính sách chưa đủ sức hấp dẫn để huy động nguồn lực tư nhân trong và ngoài nước vào đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng; chậm hoàn thiện cơ sở pháp lý đối với hình thức hợp tác công - tư (PPP). Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài chưa quan tâm nhiều đến công nghệ, tỉ lệ nội địa hoá và bảo vệ môi trường.

Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng mới thực hiện được giai đoạn đầu. Chất lượng tín dụng và dịch vụ ngân hàng cải thiện còn chậm. Cơ cấu tín dụng chưa thật phù hợp với yêu cầu phát triển. Năng lực tài chính, quản trị, kiểm tra, giám sát nội bộ của một số tổ chức tín dụng còn yếu, nợ xấu còn cao. Sở hữu và hoạt động của một số ngân hàng thương mại cổ phần thiếu minh bạch, có mặt chưa phù hợp với thông lệ quốc tế.

Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, cổ phần hoá, thoái vốn ở một số doanh nghiệp chưa đạt tiến độ. Tỉ lệ vốn được cổ phần hóa còn thấp. Quản trị doanh nghiệp đổi mới còn chậm; kiểm tra, giám sát nội bộ còn hạn chế. Việc cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường chậm, chưa đạt mục tiêu đề ra. Hiệu quả sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp nhà nước thấp, chưa tương xứng với tài sản và nguồn lực, thất thoát, lãng phí còn lớn. Doanh nghiệp nhà nước chưa thể hiện được vai trò là lực lượng nòng cốt của kinh tế nhà nước.

5. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội còn nhiều mặt yếu kém, khắc phục còn chậm

Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và chăm lo đời sống nhân dân nhiều mặt còn hạn chế. Xã hội hóa còn chậm và chưa có cơ chế, chính sách đủ mạnh để huy động được nhiều nguồn lực cho đầu tư phát triển các lĩnh vực văn hóa, xã hội.

Thị trường lao động chưa thật thông suốt, dịch chuyển lao động còn khó khăn, thông tin về cung - cầu lao động còn hạn chế. Chuyển dịch cơ cấu lao động chậm; tỉ trọng lao động trong khu vực nông nghiệp còn lớn. Số người thiếu việc làm và việc làm không ổn định còn nhiều, nhất là ở khu vực nông thôn; một bộ phận sinh viên sau tốt nghiệp khó tìm được việc làm; chính sách tiền lương chậm được cải cách; tiền lương của đại bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn thấp, lương tối thiểu chưa đảm bảo đủ mức sống tối thiểu. Tỉ lệ lao động khu vực phi chính thức còn cao (khoảng 56%)²⁰, thiếu chế tài để bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động khu vực này. Chưa có cơ chế, chính sách phù hợp để tuyển chọn lao động có năng lực và đưa người không đáp ứng yêu cầu ra khỏi khu vực nhà nước.

Đời sống của một bộ phận nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao; khoảng cách giàu - nghèo giữa các vùng, nhóm dân cư còn lớn. Tỉ lệ hộ nghèo và cận nghèo ở vùng sâu, vùng xa, nhất là trong đồng bào dân tộc thiểu số còn cao (một số huyện, xã lên đến 50%). Một số chính sách về an sinh xã hội, giảm nghèo còn chồng chéo, chưa đồng bộ, hiệu quả chưa cao và chưa khuyến khích người nghèo vươn lên thoát

²⁰. Trong đó, tỉ lệ lao động khu vực phi chính thức ở khu vực thành thị là 47,1%, ở khu vực nông thôn là 63,4%.

nghèo. Tỷ lệ bao phủ và chất lượng dịch vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp còn thấp. Quỹ bảo hiểm xã hội chưa bền vững.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân nhiều mặt còn hạn chế. Chất lượng khám, chữa bệnh chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là tuyến cơ sở. Y đức của một bộ phận cán bộ y tế chưa tốt. Việc khắc phục tình trạng quá tải bệnh viện còn chậm, nhất là tuyến cuối. Công tác y tế dự phòng có mặt còn bất cập. Việc thực hiện lộ trình giá thị trường đối với dịch vụ y tế và cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập còn chậm. Thu hút nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước và xã hội hóa y tế còn khó khăn, chính sách chưa đủ hấp dẫn. Quản lý nhà nước về hoạt động y tế tư nhân, thuốc chữa bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm còn nhiều yếu kém. Công nghiệp được phát triển chậm. Tuổi thọ bình quân tăng nhưng chất lượng cuộc sống chưa cao.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc chưa đạt yêu cầu. Nhiều biểu hiện xuống cấp về đạo đức, lối sống gây bức xúc trong xã hội. Tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp. Quản lý văn hóa, nghệ thuật, lễ hội, các di tích lịch sử còn hạn chế. Xã hội hóa trong lĩnh vực văn hoá còn chậm, hiệu quả chưa cao. Nhiều sản phẩm văn hoá, nghệ thuật chất lượng thấp. Đời sống văn hóa, nhất là vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế. Thể thao thành tích cao phát triển còn chậm. Quản lý thông tin, báo chí, nhất là trên Internet còn nhiều bất cập. Quản lý nhà nước về tôn giáo, tín ngưỡng có mặt còn hạn chế.

6. Ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường còn hạn chế

Quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu nhiều mặt còn hạn chế; pháp luật, chính sách thiếu đồng bộ; thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa nghiêm.

Điều tra cơ bản và quy hoạch sử dụng tài nguyên chưa đáp ứng yêu cầu. Việc giao quyền quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, khoáng sản, rừng, nguồn nước chưa phù hợp với kinh tế thị trường và hiệu quả chưa cao; vẫn còn tình trạng khai thác trái phép tài nguyên, khoáng sản.

Tình trạng ô nhiễm môi trường chậm được cải thiện; ô nhiễm môi trường ở nhiều nơi còn nghiêm trọng, nhất là tại một số làng nghề, lưu vực sông; xử lý vi phạm môi trường chưa nghiêm. Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân và doanh nghiệp chưa cao. Nhiều hệ sinh thái tự nhiên, nhất là hệ sinh thái rừng, đất ngập nước, thảm thực vật biển giảm cả về diện tích và chất lượng. Công tác bảo vệ rừng còn bất cập, tình trạng chặt phá và cháy rừng còn xảy ra. Nhiều loài sinh vật, nguồn gen quý đứng trước nguy cơ tuyệt chủng cao. Việc khắc phục hậu quả về ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại còn nhiều khó khăn. Chất lượng dự báo, nguồn lực và năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu chưa đáp ứng yêu cầu. Tình trạng ngập úng ở một số thành phố lớn chậm được khắc phục. Sạt lở ven biển, ven sông và xâm nhập mặn diễn biến ngày càng phức tạp. Sử dụng năng lượng tái tạo (điện sinh khối, điện gió, điện mặt trời,...) còn ít.

7. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nhiều mặt còn hạn chế

Cải cách hành chính một số mặt chưa đạt yêu cầu. Năng lực xây dựng và thực thi luật pháp, cơ chế, chính sách chưa cao; một số văn bản pháp luật ban hành còn chậm, chưa phù hợp với thực tiễn; nhiều chính sách còn chồng chéo, chậm khắc phục. Chất lượng xây

dựng và quản lý chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển chưa đáp ứng yêu cầu. Cơ cấu tổ chức bộ máy nhà nước còn chồng chéo; chức năng, nhiệm vụ nhiều cơ quan, đơn vị vẫn còn chồng chéo và chưa đủ cụ thể, chưa rõ thẩm quyền, trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Thực hiện tinh giản biên chế chưa đạt yêu cầu. Chi lương và phụ cấp chiếm phần lớn trong tổng kinh phí hoạt động của cơ quan, đơn vị. Tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương chậm đổi mới, chưa phù hợp với đặc điểm đô thị và hải đảo. Công tác thông tin truyền thông về chính sách, pháp luật, quản lý, điều hành và trách nhiệm giải trình của các cấp chính quyền còn nhiều hạn chế. Năng lực, phẩm chất, ý thức kỷ luật của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức chưa đáp ứng yêu cầu. Thủ tục hành chính trong nhiều lĩnh vực vẫn còn phiền hà, gây bức xúc cho người dân, doanh nghiệp. Giám sát, phản biện xã hội đối với xây dựng và thực thi luật pháp, chính sách hiệu quả chưa cao.

Cơ chế phân cấp quản lý kinh tế, xã hội nhiều mặt chưa thật phù hợp, nhất là về ngân sách nhà nước, đầu tư, tổ chức, biên chế, quản lý tài nguyên, đô thị, tài sản công, doanh nghiệp nhà nước; sự phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương thiếu chặt chẽ; làm giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý tập trung thống nhất của Trung ương và tính năng động, chịu trách nhiệm của địa phương.

Công tác phòng, chống tham nhũng chưa đạt yêu cầu đề ra là ngăn chặn, từng bước đẩy lùi; tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng. Kê khai tài sản còn hình thức. Hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra hiệu quả còn thấp. Ý thức tiết kiệm chưa được đề cao; lãng phí thời gian, nguồn lực xã hội còn lớn. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo hiệu quả chưa cao, một số trường hợp còn kéo dài, gây bức xúc trong dư luận.

8. Sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa thật chặt chẽ

Tiềm lực quốc phòng, an ninh chưa đáp ứng được yêu cầu. Bảo vệ chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ còn nhiều khó khăn, thách thức. Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh ở một số nơi gắn kết chưa thật chặt chẽ. Chưa có cơ chế, chính sách để phát triển mạnh mô hình công nghiệp lưỡng dụng. An ninh, trật tự và an toàn xã hội trên một số địa bàn còn phức tạp. Bảo vệ bí mật quốc gia còn nhiều yếu kém. Công tác bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, an ninh mạng còn nhiều bất cập. Tình hình trật tự, an toàn giao thông còn diễn biến phức tạp, tai nạn giao thông vẫn còn nghiêm trọng.

9. Công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế có mặt chưa thật chủ động và hiệu quả chưa cao

Quan hệ đối ngoại có mặt còn hạn chế. Chưa tạo được nhiều sự đan xen lợi ích kinh tế với các đối tác. Ngoại giao đa phương chưa phát huy hết các lợi thế. Khai thác những thuận lợi trong hội nhập hiệu quả chưa cao. Chưa chuẩn bị tốt các điều kiện để tận dụng cơ hội và vượt qua thách thức trong hội nhập. Cơ chế phòng ngừa, giải quyết tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế còn bất cập. Thông tin về hội nhập quốc tế chưa được phổ biến rộng rãi đến cộng đồng doanh nghiệp và người dân. Năng lực của một bộ phận cán bộ, công chức, doanh nhân chưa đáp ứng kịp yêu cầu. Sự gắn kết giữa hội nhập kinh tế quốc tế với quốc phòng, an ninh, văn hóa, xã hội, ngoại giao nhân dân có mặt còn hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém trên đây do cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Nguyên nhân chủ quan chủ yếu là:

- Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhất là về vai trò của Nhà nước, kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân, thị trường quyền sử dụng đất, quản lý giá cả, phân bổ nguồn lực, cơ chế cung ứng dịch vụ công, giá dịch vụ trong giáo dục, y tế,... chưa đủ rõ, còn khác nhau, chưa theo kịp yêu cầu đổi mới về phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế. Vì vậy, việc xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, cơ chế, chính sách và trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội nhiều mặt còn lúng túng, thiếu nhất quán, chưa thật phù hợp với kinh tế thị trường nên hiệu quả chưa cao, chưa tạo được động lực mạnh mẽ để huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển.

- Tổ chức thực hiện chủ trương, nghị quyết của Đảng và Nhà nước nhiều mặt còn hạn chế. Việc thể chế hóa thành luật pháp, cơ chế, chính sách trong nhiều trường hợp còn chậm, chất lượng thấp, tính khả thi chưa cao. Chưa làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện và sơ kết, tổng kết thực tiễn. Chưa thay thế được kịp thời những cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực, thiếu trách nhiệm, thực thi kém hiệu quả trong triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

- Phương thức lãnh đạo quản lý kinh tế - xã hội chưa thật phù hợp, hiệu lực, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển trong kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Khả năng phân tích, dự báo còn bất cập. Phẩm chất, năng lực của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và việc đào tạo, sử dụng cán bộ còn nhiều mặt hạn chế. Tính thượng tôn pháp luật, kỷ luật, kỷ cương chưa nghiêm.

Nhìn tổng quát, trong 5 năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức rất lớn nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, sự nỗ lực phấn đấu của cả hệ thống chính trị và toàn dân, toàn quân, kinh tế - xã hội nước ta đã đạt được những thành quả quan trọng trên các lĩnh vực. Lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định. Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý. Các đột phá chiến lược và cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt được kết quả bước đầu. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện. Nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ có bước phát triển. Đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đạt kết quả quan trọng. Chất lượng tăng trưởng nhiều mặt được cải thiện. Tiềm lực, quy mô và sức cạnh tranh của nền kinh tế được nâng lên. Phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những kết quả tích cực. An sinh xã hội cơ bản được bảo đảm. Phúc lợi xã hội và đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Cải cách hành chính có bước tiến bộ. Quốc phòng, an ninh được tăng cường. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả. Khối đại đoàn kết toàn dân được tăng cường. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Chính trị - xã hội ổn định. Vị thế nước ta trên trường quốc tế được nâng lên. Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội tốt hơn trong giai đoạn tới.

Tuy nhiên, kinh tế - xã hội phát triển vẫn chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và còn nhiều khó khăn, hạn chế. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch. Việc tạo nền tảng để đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đáp ứng yêu cầu. Kinh tế vĩ mô ổn định chưa vững chắc. Kinh tế phục hồi còn chậm. Năng suất, chất lượng tăng trưởng một số mặt còn thấp. Sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa cao. Môi trường kinh doanh còn nhiều hạn chế. Thực hiện ba đột phá chiến lược và cơ cấu lại nền

kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa thực sự trở thành động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội. Chất lượng nguồn nhân lực còn thấp. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn chưa đáp ứng yêu cầu. Khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế so với nhiều nước trong khu vực chậm được thu hẹp. Văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường nhiều mặt còn yếu kém, khắc phục còn chậm. Khoảng cách giàu - nghèo còn lớn. Bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh trật tự, an toàn xã hội còn nhiều khó khăn, thách thức. Chưa khai thác thật tốt những cơ hội và điều kiện thuận lợi trong hội nhập quốc tế. Hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, quản lý kinh tế - xã hội nhiều mặt còn hạn chế.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2016 - 2020

I- BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Khoa học, công nghệ phát triển rất nhanh cùng với toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng tác động mạnh mẽ đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia. Kinh tế thị trường; tiến bộ, công bằng xã hội; dân chủ - pháp quyền; hợp tác và đấu tranh vì lợi ích quốc gia, vì hòa bình - phát triển và cùng giải quyết những thách thức toàn cầu là xu hướng chung của nhân loại.

Kinh tế thế giới phục hồi chậm, không đồng đều và còn nhiều khó khăn. Khu vực Châu Á - Thái Bình Dương vẫn là trung tâm phát triển năng động của kinh tế thế giới. Vai trò trung tâm kết nối của ASEAN trong các thiết chế khu vực tiếp tục được khẳng định nhưng còn nhiều thách thức. Hòa bình và hợp tác phát triển là xu thế lớn nhưng chủ nghĩa dân tộc cực đoan, xung đột sắc tộc, tôn giáo, hoạt động khủng bố tiếp tục gia tăng. Các nước lớn tăng cường sức mạnh quân sự và cạnh tranh chiến lược trong khu vực ngày càng quyết liệt. Tranh chấp lãnh thổ, đặc biệt là tranh chấp trên Biển Đông diễn biến gay gắt, phức tạp.

Các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược phát triển, tăng cường liên kết, vừa hợp tác, vừa cạnh tranh, nhất là trong thương mại, đầu tư, nhân lực, khoa học, công nghệ. Hội nhập quốc tế của nước ta ngày càng sâu rộng, nhất là hội nhập kinh tế. Việc thực hiện các hiệp định thương mại tự do đã có và tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, cùng với việc hình thành Cộng đồng ASEAN trong năm 2015 mở ra nhiều cơ hội thuận lợi cho phát triển nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức²¹.

²¹. Danh mục các hiệp định thương mại tự do (FTAs) mà Việt Nam đã tham gia gồm: FTA Việt Nam - Chi-lê (CVFTA); Hiệp định đối tác kinh tế Việt - Nhật (VJEPA); cùng ASEAN tham gia 6 FTAs: Hiệp định thương mại tự do ASEAN (AFTA); FTA giữa ASEAN và Trung Quốc (ACFTA); FTA giữa ASEAN và Hàn Quốc (AKFTA); FTA giữa ASEAN và Nhật (AJFTA); FTA giữa ASEAN và Ấn Độ (AIFTA); FTA giữa ASEAN và Úc, Niu Di-lân (AANZFTA); FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á - Âu (gồm Nga, Ác-mê-ni-a, Bê-la-rút, Ca-dắc-xtan và Ki-ơ-gi-xtan); FTA giữa Việt Nam và Hàn Quốc (VKFTA). Đã kết thúc đàm phán Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP); FTA giữa Việt Nam và EU (EVFTA).

Danh mục FTAs đang đàm phán gồm: FTA giữa Việt Nam và Khối Thương mại tự do Châu Âu, gồm Thụy Sĩ, Na Uy, Ai-xơ-len, Lích-ten-xtanh (VN-EFTA); Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP).

Sau 30 năm đổi mới, thế và lực của nước ta đã lớn mạnh hơn nhiều và có thêm kinh nghiệm trong lãnh đạo, quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội. Tuy 5 năm qua đã đạt được những thành quả quan trọng, nhưng vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém. Nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ chủ quyền quốc gia, toàn vẹn lãnh thổ còn rất nặng nề. Nhu cầu đầu tư cho phát triển, nhất là kết cấu hạ tầng, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc²² vì sự phát triển bền vững rất lớn, nhưng nguồn lực còn hạn hẹp.

Tình hình trên đây đòi hỏi phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, hành động quyết liệt, năng động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, thuận lợi, vượt qua khó khăn, thách thức để đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững.

II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Trên cơ sở quan điểm phát triển đề ra trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, qua thực tiễn 5 năm 2011 - 2015 và yêu cầu của bối cảnh tình hình mới, quan điểm phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 được xác định là:

1. Tiếp tục đổi mới và sáng tạo trong lãnh đạo, quản lý phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ, hiệu quả theo quy luật kinh tế thị trường, cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Đồng thời, Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, chính sách phân phối và phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội, chăm lo cải thiện đời sống mọi mặt của nhân dân, thu hẹp khoảng cách giàu - nghèo.

2. Bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trên cơ sở ổn định kinh tế vĩ mô và không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển hài hòa giữa chiều rộng và chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu; phát triển kinh tế tri thức, kinh tế xanh. Phát triển kinh tế phải gắn kết chặt chẽ với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Bảo đảm quốc phòng, an ninh và giữ vững hòa bình, ổn định để xây dựng đất nước.

3. Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển của Nhà nước. Tập trung tạo dựng thể chế, cơ chế, chính sách và môi trường, điều kiện ngày càng minh bạch, an toàn, thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tự do sáng tạo, đầu tư, kinh doanh và cạnh tranh bình đẳng trong kinh tế thị trường. Phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ của người dân trong hoàn thiện và thực thi pháp luật, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội. Bảo đảm quyền con người, quyền công

²². Bao gồm 17 mục tiêu, đó là: (1) Xoá nghèo dưới mọi hình thức và ở mọi nơi; (2) Xoá đói, bảo đảm an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững; (3) Bảo đảm sức khoẻ và sống khoẻ mạnh cho mọi người; (4) Bảo đảm chất lượng giáo dục, công bằng, toàn diện và cơ hội học tập suốt đời cho mọi người; (5) Bảo đảm bình đẳng giới; (6) Bảo đảm nước sạch và vệ sinh cho mọi người; (7) Bảo đảm mọi người được sử dụng năng lượng sạch và phù hợp với khả năng chi trả; (8) Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và việc làm phù hợp cho mọi người; (9) Xây dựng cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển công nghiệp bền vững và khuyến khích đổi mới sáng tạo; (10) Giảm bất bình đẳng trong mỗi quốc gia và giữa các quốc gia; (11) Xây dựng các đô thị và cộng đồng dân cư đồng bộ, an toàn, bền vững và thân thiện; (12) Sản xuất, tiêu dùng có trách nhiệm và bền vững; (13) Ứng phó và giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu; (14) Bảo tồn và sử dụng bền vững đại dương, biển và tài nguyên biển; (15) Quản lý rừng bền vững, chống sa mạc hóa, ngăn chặn và đẩy lùi suy thoái tài nguyên đất, bảo tồn đa dạng sinh học; (16) Thúc đẩy hòa bình, công lý, tăng cường thể chế quốc gia và toàn cầu; (17) Đổi mới và nâng cao hiệu quả quan hệ đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững. 17 mục tiêu trên được xác định cụ thể bằng 169 chỉ tiêu.

dân. Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, năng động, trách nhiệm, lấy phục vụ nhân dân và lợi ích quốc gia là mục tiêu cao nhất.

4. Phát huy cao nhất các nguồn lực trong nước, đồng thời chủ động hội nhập quốc tế, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài để phát triển nhanh, bền vững. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển mạnh doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, làm động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế.

III- MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, phấn đấu tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước. Đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh. Phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, tăng cường phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống nhân dân. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại và chủ động hội nhập quốc tế. Giữ gìn hòa bình, ổn định, tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để xây dựng và bảo vệ đất nước. Nâng cao vị thế của nước ta trên trường quốc tế. Phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

2.1. Về kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người khoảng 3.200 - 3.500 USD. Tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP khoảng 85%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32 - 34% GDP. Bội chi ngân sách nhà nước còn khoảng 4% GDP²³. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng khoảng 30 - 35%. Năng suất lao động xã hội bình quân tăng khoảng 5%/năm. Tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm 1 - 1,5%/năm. Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2020 đạt 38 - 40%.

2.2. Về xã hội

Đến năm 2020, tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65 - 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%. Tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%. Có 9 - 10 bác sĩ và trên 26,5 giường bệnh trên 1 vạn dân. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 80% dân số. Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,0 - 1,5%/năm.

2.3. Về môi trường

Đến năm 2020, 95% dân cư thành thị, 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh và 85% chất thải nguy hại, 95 - 100% chất thải y tế được xử lý. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 42%.

²³. Tính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội

Tập trung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đồng bộ, hiện đại trên cơ sở tuân thủ đầy đủ các quy luật của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng. Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, cơ chế, chính sách, thực hiện đồng bộ các giải pháp để phát triển, vận hành thông suốt, hiệu quả, đồng bộ và khả thi các loại thị trường và bảo đảm cạnh tranh bình đẳng, minh bạch. Việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phân bổ nguồn lực cho sản xuất kinh doanh và quản lý giá phải theo cơ chế thị trường. Đồng thời, Nhà nước sử dụng thể chế, các nguồn lực, công cụ điều tiết, cơ chế, chính sách phân phối, phân phối lại để phát triển văn hóa, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, giảm nghèo, từng bước nâng cao phúc lợi xã hội và đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Nhà nước bảo vệ quyền sở hữu tài sản hợp pháp và quyền tự do kinh doanh của người dân, doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; tạo môi trường đầu tư, kinh doanh bình đẳng, an toàn, thuận lợi; kiểm soát tốt độc quyền kinh doanh, thực thi hiệu lực, hiệu quả các chính sách cạnh tranh lành mạnh. Đặt doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo cơ chế thị trường; phân định rõ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường và thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao. Tập trung phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực và tiềm lực khoa học, công nghệ.

Nâng cao năng lực, hiệu quả giải quyết tranh chấp kinh tế, thương mại trong điều kiện đất nước phát triển và hội nhập quốc tế, chú trọng nâng cao năng lực trọng tài. Không hình sự hóa các mối quan hệ kinh tế, dân sự. Phát huy vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng trong tham gia xây dựng, phản biện và giám sát thực hiện chính sách, pháp luật. Đề cao vai trò các đoàn thể nhân dân, các hiệp hội ngành, nghề, hiệp hội người tiêu dùng trong việc bảo vệ quyền lợi của người dân, doanh nghiệp.

Đa dạng hóa và nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường hàng hóa, dịch vụ, tài chính, tiền tệ, bất động sản, lao động, khoa học, công nghệ,... đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Khuyến khích sản xuất, tiêu dùng hàng trong nước và phát triển đồng bộ, hiệu quả hệ thống phân phối.

Phát triển thị trường tài chính, các thị trường mua bán nợ, công cụ tài chính phái sinh, cho thuê tài sản,... Nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường tiền tệ; mở cửa thị trường tín dụng và dịch vụ ngân hàng đáp ứng yêu cầu phát triển và phù hợp với các cam kết quốc tế. Đẩy mạnh hoạt động và nâng cao hiệu quả của thị trường chứng khoán, thị trường trái phiếu để trở thành kênh huy động vốn trung và dài hạn quan trọng cho nền kinh tế, từng bước giảm phụ thuộc vào ngân hàng. Phát triển thị trường bảo hiểm, mở cửa thị trường theo lộ trình cam kết; đa dạng và nâng cao chất lượng sản phẩm bảo hiểm.

Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách và có giải pháp phù hợp tạo điều kiện thuận lợi phát triển bền vững thị trường bất động sản, bảo đảm vận hành thông suốt, hiệu quả. Phát triển mạnh thị trường quyền sử dụng đất, bao gồm cả thị trường sơ cấp và thị trường thứ cấp, nhất là đối với đất nông nghiệp để khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất.

Phát triển thị trường lao động, bảo đảm đồng bộ, liên thông, minh bạch và tạo thuận lợi cho việc tự do dịch chuyển lao động. Phát triển mạnh thị trường nhân lực chất lượng cao, nhất là lao động kỹ thuật và nhân lực quản trị kinh doanh. Tăng cường quản lý, mở rộng thị trường và nâng cao hiệu quả đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Phát triển đồng bộ thị trường khoa học, công nghệ. Có cơ chế, chính sách phù hợp để đẩy mạnh thương mại hóa sản phẩm khoa học, công nghệ và phát triển sản giao dịch. Tăng cường chuyển giao công nghệ, phát triển các tổ chức chuyển giao công nghệ, kết nối cung - cầu, kết nối thị trường trong nước với khu vực và thế giới gắn với bảo hộ sở hữu trí tuệ. Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về khoa học, công nghệ, hình thành hệ thống các tổ chức dịch vụ khoa học, công nghệ.

Thực hiện cơ chế thị trường và đẩy mạnh xã hội hóa đối với cung cấp các dịch vụ công. Cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công, giao quyền tự chủ phù hợp, nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp. Chuyển từ cơ chế cấp phát sang đặt hàng và từ cấp kinh phí cho các đơn vị cung ứng sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng thụ hưởng. Đối với những hàng hóa, dịch vụ công thiết yếu, bao gồm dịch vụ y tế, giáo dục mà Nhà nước đang kiểm soát giá, phải bảo đảm công khai, minh bạch các yếu tố hình thành giá; tính đúng, tính đủ chi phí và thực hiện giá thị trường theo lộ trình phù hợp. Đồng thời, hỗ trợ cho đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Khuyến khích doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế tham gia cung cấp dịch vụ công, nhất là các hình thức hợp tác công - tư. Bảo đảm bình đẳng giữa đơn vị sự nghiệp công lập và ngoài công lập. Đa dạng hình thức xã hội hóa các đơn vị sự nghiệp công như: thí điểm cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công; giao cộng đồng quản lý, cho thuê cơ sở vật chất, tài sản của Nhà nước để kinh doanh cung ứng dịch vụ công và thực hiện cơ chế đơn vị sự nghiệp công hoạt động như doanh nghiệp công ích.

Điều hành hiệu quả chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa và các chính sách khác để bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế. Thực hiện chính sách tiền tệ linh hoạt, kiểm soát tốt lạm phát, bảo đảm giá trị đồng tiền Việt Nam, tăng dự trữ ngoại hối; điều hành lãi suất, tỉ giá theo nguyên tắc thị trường. Tiếp tục cơ cấu lại các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu, bảo đảm an toàn hệ thống; thực hiện công khai, minh bạch và áp dụng chuẩn mới về quản trị ngân hàng theo thông lệ quốc tế.

Tăng cường quản lý và từng bước cơ cấu lại chính sách thu, chi ngân sách nhà nước. Động viên hợp lý các nguồn lực, phân đấu tỉ lệ huy động vào ngân sách nhà nước trên GDP bình quân khoảng 20 - 21%. Tăng tỉ trọng thu nội địa và xây dựng hệ thống thuế đồng bộ, hiện đại. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước phù hợp, bảo đảm tỉ lệ hợp lý giữa chi thường xuyên, chi đầu tư và chi trả nợ. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách nhà nước. Kiểm soát chặt chẽ bội chi, phân đấu giảm dần tỉ lệ bội chi ngân sách nhà nước. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả vốn vay của Nhà nước; kiểm soát chặt chẽ vốn vay do Chính phủ bảo lãnh, vay của chính quyền địa phương và của doanh nghiệp nhà nước; rà soát, hoàn chỉnh pháp luật về quản lý nợ công; bảo đảm an toàn tài chính quốc gia.

Tăng cường huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, phân bổ vốn theo kế hoạch đầu tư trung hạn 5 năm phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ưu tiên cho các công trình hạ tầng trọng điểm, cấp thiết. Bố trí nguồn lực tài chính nhà nước phù hợp để tham gia và thúc đẩy đầu tư của khu vực ngoài nhà nước. Điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư nhà nước gắn với phân cấp phù hợp giữa Trung ương và địa phương.

Phát triển mạnh thị trường trong nước, thực hiện hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Khai thác tốt các cam kết quốc tế, mở rộng và đa dạng hóa thị trường ngoài nước, không để phụ thuộc quá lớn vào một thị trường. Đẩy mạnh xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu phù hợp, phấn đấu cân bằng thương mại bền vững. Tăng cường xúc tiến thương mại, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng thương hiệu hàng Việt Nam, nhất là các mặt hàng có lợi thế. Tận dụng tối đa các điều kiện thuận lợi của các hiệp định, thỏa thuận thương mại để thúc đẩy xuất khẩu; đồng thời có biện pháp phòng vệ thích hợp để bảo vệ sản xuất và lợi ích người tiêu dùng. Phấn đấu đạt tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu bình quân khoảng 10%/năm.

Thực hiện nhất quán cơ chế giá thị trường đối với tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ trong nền kinh tế, đồng thời hỗ trợ phù hợp cho đối tượng chính sách, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường quản lý thị trường, giá cả. Bảo đảm cân đối cung - cầu, nhất là các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu. Tập trung đẩy mạnh phòng, chống buôn lậu, gian lận thương mại.

2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh

Đổi mới mô hình tăng trưởng, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Kết hợp hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh. Gắn kết hài hòa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân; bảo vệ, cải thiện môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả Đề án tổng thể cơ cấu lại nền kinh tế và cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực.

2.1. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới

Tập trung thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, xây dựng nông thôn mới và cải thiện đời sống của nông dân.

Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng xây dựng nền nông nghiệp công nghệ cao, hàng hóa lớn; tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; bảo đảm phát triển bền vững, an ninh lương thực quốc gia và vệ sinh an toàn thực phẩm. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng khu vực nông nghiệp bình quân khoảng 2,5 - 3,0%/năm.

Khai thác lợi thế của nền nông nghiệp nhiệt đới, tập trung phát triển sản phẩm có lợi thế so sánh, giá trị gia tăng cao, bảo đảm các tiêu chuẩn theo yêu cầu xuất khẩu, có khả năng tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu. Bảo vệ và sử dụng linh hoạt, hiệu quả đất trồng lúa. Khuyến khích tích tụ, tập trung ruộng đất, phát triển các vùng sản xuất quy mô lớn với hình thức đa dạng, phù hợp với quy hoạch và điều kiện của từng vùng, đặc điểm của từng sản phẩm. Coi bảo vệ và phát triển rừng là một giải pháp quan trọng tạo việc làm và nâng cao thu nhập.

Tổ chức lại sản xuất, tăng cường liên kết theo chuỗi giá trị. Gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ nông sản trên cơ sở phát triển các hình thức hợp tác, liên kết đa dạng giữa hộ gia đình với các tổ chức hợp tác và doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và bảo đảm hài hoà lợi ích của các chủ thể tham gia. Khuyến khích liên kết giữa hộ nông dân sản xuất với tổ chức tín dụng, tổ chức khoa học, công nghệ và doanh nghiệp. Tiếp tục sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty và các nông, lâm trường quốc doanh²⁴, góp phần thúc đẩy phát triển nông, lâm nghiệp và hỗ trợ nông dân ở các vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, nhất là Hội Nông dân và các hiệp hội ngành hàng trong phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Có cơ chế, chính sách khuyến khích nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất và quản lý. Áp dụng rộng rãi các loại giống mới và kỹ thuật nuôi trồng có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao và thích ứng với biến đổi khí hậu. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng thương hiệu sản phẩm, nông dân ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất nông nghiệp.

Tập trung thực hiện hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới. Phấn đấu đến năm 2020 khoảng 40 - 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách và tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc thù từng vùng. Quy hoạch lại các điểm dân cư phân tán tại địa bàn miền núi, đồng bào dân tộc. Ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước, tín dụng ưu đãi và huy động các nguồn lực ngoài nhà nước để đầu tư xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội. Có chính sách khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế trang trại và thu hút mạnh doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ tại địa bàn nông thôn. Đồng thời đẩy mạnh đào tạo nghề với các hình thức đa dạng, phù hợp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn. Tập trung giải quyết tình trạng du canh, du cư, di cư tự do.

Thực hiện tốt các chính sách phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và nâng cao đời sống của người dân trên địa bàn nông thôn. Tập trung làm tốt công tác nâng cao dân trí, chăm sóc sức khỏe, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội, an ninh, trật tự và bảo vệ môi trường. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh

²⁴. Triển khai Chương trình, kế hoạch theo Quyết định số 686/QĐ-TTg, ngày 11-5-2014 của Thủ tướng Chính phủ thực hiện Nghị quyết 30 của Bộ Chính trị. Trong năm 2015, tập trung lập phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp; hoàn thành việc đo đạc, lập bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty nông, lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ngày 17-12-2014.

và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Giữ gìn và phát huy truyền thống, tập quán tốt đẹp của làng quê Việt Nam.

2.2. Đẩy mạnh cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Nghiên cứu hoàn thiện tiêu chí để xác định các chỉ tiêu thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Rà soát, bổ sung chiến lược phát triển công nghiệp; phân bố công nghiệp hợp lý hơn trên toàn lãnh thổ. Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp. Đẩy nhanh phát triển các ngành công nghiệp có hàm lượng khoa học, công nghệ, có tỉ trọng giá trị quốc gia và giá trị gia tăng cao; có lợi thế cạnh tranh, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp, xây dựng bình quân khoảng 8,0 - 8,5%/năm; đến năm 2020 tỉ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP khoảng 40%; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP khoảng 25%, trong đó công nghiệp chế tạo khoảng 15%.

Phát triển các ngành công nghiệp nền tảng đáp ứng nhu cầu về tư liệu sản xuất cơ bản của nền kinh tế. Phát triển công nghiệp năng lượng, luyện kim, hóa dầu, hóa chất với công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, tạo ra sản phẩm có khả năng cạnh tranh. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp cơ khí chế tạo mạnh và sản phẩm cơ khí trọng điểm. Có chính sách phát triển công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm. Ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, sản xuất vật tư và máy nông nghiệp. Tập trung phát triển công nghiệp hỗ trợ, tăng cường liên kết giữa các tập đoàn đa quốc gia và doanh nghiệp trong nước, hình thành các khu công nghiệp hỗ trợ theo cụm liên kết ngành. Hỗ trợ phát triển các nguồn năng lượng tái tạo, nhất là năng lượng gió, mặt trời.

Phát triển vững chắc, hiệu quả công nghiệp quốc phòng, an ninh. Phát triển phù hợp doanh nghiệp có khả năng sản xuất sản phẩm lưỡng dụng. Từng bước hình thành tổ hợp công nghiệp quốc phòng với sự tham gia của nhiều loại hình doanh nghiệp.

Phát triển ngành xây dựng đạt trình độ tiên tiến. Tiếp cận và làm chủ các công nghệ hiện đại, nâng cao năng lực công nghiệp xây lắp, đáp ứng yêu cầu xây dựng trong nước và có khả năng cạnh tranh quốc tế. Phát triển mạnh công nghiệp vật liệu xây dựng, nhất là vật liệu mới, vật liệu chất lượng cao.

2.3. Phát triển các ngành dịch vụ

Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 6,6 - 7,1%/năm. Tỉ trọng khu vực dịch vụ trong GDP khoảng 45% vào năm 2020. Ưu tiên phát triển những ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị gia tăng cao.

Phát triển vận tải với cơ cấu hợp lý, hiệu quả. Tăng thị phần vận tải đường sắt, đường biển và đường thủy nội địa. Nâng cao chất lượng vận tải đường bộ và đường hàng không. Tăng cường kết nối giữa các phương thức vận tải, khuyến khích phát triển vận tải đa phương thức và logistics. Tạo môi trường cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ và giảm chi phí vận tải.

Phát triển mạnh dịch vụ thông tin truyền thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thực hiện cơ chế thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công.

Phát triển đồng bộ hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ. Chú trọng phát triển thương mại điện tử và xây dựng thương hiệu hàng hóa Việt Nam. Tăng cường kết nối giữa doanh nghiệp sản xuất, phân phối, các hiệp hội và cơ quan quản lý để phát triển mạnh thị trường trong và ngoài nước. Chủ động tham gia vào mạng phân phối toàn cầu.

Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh.

Có chính sách phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển du lịch với hệ thống hạ tầng đồng bộ, hiện đại, sản phẩm đa dạng và tính chuyên nghiệp cao. Tạo mọi thuận lợi về thủ tục xuất nhập cảnh, đi lại và bảo đảm an toàn, an ninh. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá, xây dựng thương hiệu du lịch Việt Nam. Khai thác hiệu quả, bền vững các di sản văn hóa, thiên nhiên, di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh và giữ gìn vệ sinh môi trường. Phát triển các khu dịch vụ du lịch phức hợp, có quy mô lớn và chất lượng cao.

Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển mạnh các dịch vụ y tế, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật, thể thao..., nhất là dịch vụ chất lượng cao về đào tạo nguồn nhân lực và chăm sóc sức khỏe.

2.4. Phát triển kinh tế biển

Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển các ngành khai thác, chế biến dầu khí; cảng biển, đóng và sửa chữa tàu biển, vận tải biển; khai thác và chế biến hải sản, các dịch vụ hậu cần nghề cá; du lịch biển, đảo. Xây dựng các khu kinh tế, các khu công nghiệp tập trung và khu chế xuất ven biển gắn với phát triển các khu đô thị ven biển. Xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ sản xuất và đời sống vùng biển, đảo. Đẩy nhanh điều tra cơ bản về tài nguyên, môi trường biển, đảo. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc khai thác hiệu quả, bền vững các nguồn tài nguyên biển. Xây dựng các cơ sở hậu cần nghề cá, tránh trú bão, hỗ trợ ngư dân khai thác hải sản xa bờ và hoạt động dài ngày trên biển. Tạo điều kiện thuận lợi và khuyến khích người dân định cư lâu dài trên các đảo. Tăng cường công tác cứu hộ, cứu nạn và bảo đảm an ninh, an toàn trên biển, đảo.

2.5. Phát triển các vùng và khu kinh tế

Hoàn thiện quy hoạch vùng, lấy quy hoạch làm cơ sở quản lý phát triển vùng. Nâng cao chất lượng lập và quản lý quy hoạch, nhất là quy hoạch kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị và quy hoạch sử dụng tài nguyên, bảo đảm công khai, minh bạch. Chú trọng phát triển các vùng kinh tế trọng điểm, vùng động lực, các khu kinh tế, các khu công nghiệp. Tăng cường liên kết giữa các địa phương trong vùng, giữa các vùng để phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương và ứng phó hiệu quả với thiên tai, biến đổi khí hậu; tạo không gian phát triển thống nhất trong vùng và cả nước; khắc phục tình trạng phát triển trùng lặp, manh mún, kém hiệu quả. Khuyến khích doanh nghiệp đầu

tư liên kết hình thành các vùng kinh tế chuyên ngành quy mô lớn với các nhóm sản phẩm có sức cạnh tranh cao. Nghiên cứu cơ chế quản lý liên kết, hợp tác phát triển vùng phù hợp. Tạo điều kiện phát triển các khu vực, địa bàn còn nhiều khó khăn, nhất là miền núi, biên giới, hải đảo, Tây Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và phía tây các tỉnh miền Trung. Rà soát quy hoạch, hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát huy hiệu quả các khu kinh tế hiện có. Lựa chọn một số khu có lợi thế đặc biệt để xây dựng đặc khu kinh tế với thể chế có tính đột phá, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Phát triển các hành lang, vành đai kinh tế, kết nối hiệu quả với các nước trong khu vực. Phát triển các khu kinh tế cửa khẩu. Nghiên cứu việc hình thành một số khu kinh tế xuyên biên giới.

2.6. Tạo môi trường thuận lợi phát triển doanh nghiệp

Về doanh nghiệp nhà nước: Thực hiện đồng bộ các giải pháp cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, nâng cao hiệu quả hoạt động theo cơ chế thị trường, bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những lĩnh vực quan trọng²⁵; xác định rõ danh mục và tăng cường tiềm lực, khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp mà Nhà nước cần nắm giữ 100% vốn và cần nắm giữ cổ phần chi phối. Đẩy mạnh thoái vốn đầu tư ngoài ngành, cổ phần hoá và bán hết phần vốn nhà nước trong các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm giữ theo cơ chế thị trường; sử dụng một phần số tiền thu được cho đầu tư phát triển. Tăng cường quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước. Bố trí đúng cán bộ lãnh đạo, nâng cao năng lực quản trị và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Phân định rõ hoạt động sản xuất kinh doanh theo cơ chế thị trường với thực hiện nhiệm vụ do Nhà nước giao về đảm bảo hàng hóa, dịch vụ cần thiết, công ích, quốc phòng, an ninh bằng hình thức Nhà nước đặt hàng. Xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế. Nghiên cứu mô hình quản lý phù hợp của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp.

Về doanh nghiệp tư nhân: Tạo mọi điều kiện thuận lợi phát triển mạnh doanh nghiệp tư nhân để tạo động lực nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế. Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận bình đẳng mọi cơ hội, các nguồn lực, nhất là về vốn, đất đai, tài nguyên. Thúc đẩy xã hội hóa sở hữu và sản xuất kinh doanh, khuyến khích phát triển các hình thức doanh nghiệp cổ phần. Tăng cường trợ giúp để phát triển mạnh doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh tế hộ gia đình; hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp. Khuyến khích hình thành doanh nghiệp lớn, thương hiệu mạnh. Hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học và đổi mới công nghệ, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao sức cạnh tranh và tham gia hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị trong và ngoài nước.

Về doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: Rà soát, sửa đổi pháp luật, chính sách để thu hút mạnh đầu tư nước ngoài, nhất là các dự án có công nghệ cao, thân thiện môi trường,

²⁵. Theo quy định tại Điều 10, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (năm 2014), doanh nghiệp nhà nước tập trung vào các lĩnh vực: cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội; lĩnh vực trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh; trong lĩnh vực độc quyền tự nhiên; ứng dụng công nghệ cao, đầu tư lớn, tạo động lực phát triển nhanh cho các ngành, lĩnh vực khác và nền kinh tế.

sản phẩm có giá trị gia tăng và tỉ lệ nội địa hóa cao, tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu thúc đẩy cơ cấu lại nền kinh tế. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài có công nghệ cao, thân thiện môi trường, sử dụng nhiều lao động. Khuyến khích đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và các ngành công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, vật liệu mới, điện tử, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, giống cây trồng, vật nuôi, đào tạo nhân lực và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao,... Có cơ chế ưu đãi linh hoạt đối với các dự án đặc thù. Khuyến khích thành lập các trung tâm nghiên cứu triển khai của doanh nghiệp đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Về kinh tế hợp tác: Khuyến khích phát triển bền vững kinh tế hợp tác, nòng cốt là hợp tác xã với nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng; nhân rộng các mô hình kinh tế hợp tác hiệu quả; tạo điều kiện cho kinh tế hộ phát triển có hiệu quả trên các lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ; góp phần hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến chế biến, tiêu thụ; bảo đảm hài hòa lợi ích của các chủ thể tham gia. Tạo điều kiện hình thành những tổ hợp nông - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao.

3. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị

Đẩy mạnh thực hiện đột phá chiến lược về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ với một số công trình hiện đại. Nâng cao chất lượng quy hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, bảo đảm hiệu quả tổng hợp và tính hệ thống, nhất là mạng lưới giao thông, điện, nước, thủy lợi, giáo dục, y tế, hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin.

Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng các công trình lớn, quan trọng, thiết yếu, nhất là tại các khu vực có tiềm năng phát triển và giải quyết các ách tắc, quá tải. Bảo đảm kết nối thông suốt giữa các trung tâm kinh tế lớn, các đầu mối giao thông cửa ngõ, các tuyến có nhu cầu vận tải lớn²⁶. Quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông tại các vùng khó khăn. Ưu tiên đầu tư các dự án hạ tầng đáp ứng yêu cầu ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Từng bước hình thành hệ thống đô thị có kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, xanh, thân thiện với môi trường, nhất là các đô thị lớn. Nâng cao chất lượng và quản lý tốt quy hoạch đô thị, bảo đảm phát triển bền vững, có chính sách xây dựng khu đô thị mới ven các đô thị lớn, khai thác hiệu quả hạ tầng và tiết kiệm đất. Khuyến khích phát triển nhà ở cho người có thu nhập thấp và công nhân khu công nghiệp, chủ doanh nghiệp xây dựng nhà ở cho công nhân thuê.

Hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách để tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế, kể cả đầu tư nước ngoài đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng bằng nhiều hình thức, nhất là hợp tác công - tư (PPP) phù hợp với thông lệ quốc tế. Tăng cường quản lý, bảo đảm tiến độ, hiệu quả và chất lượng công trình, chống thất thoát, lãng phí.

²⁶. Tiếp tục triển khai xây dựng hệ thống đường bộ cao tốc, tập trung ưu tiên cho các đoạn đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường bộ cao tốc kết nối các trung tâm kinh tế lớn. Đầu tư nâng cấp các tuyến đường sắt hiện có; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để từng bước triển khai xây dựng đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Hoàn thành đầu tư xây dựng các cảng biển cửa ngõ quốc tế khu vực phía Bắc và phía Nam. Cải tạo, nâng cấp các cảng hàng không; phân kỳ đầu tư xây dựng Cảng hàng không quốc tế Long Thành. Hoàn thành các tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và các công trình cấp, thoát nước tại các đô thị lớn. Hoàn thành xây dựng các bệnh viện tuyến cuối.

4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ

Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo theo hướng mở, hội nhập, xây dựng xã hội học tập, phát triển toàn diện năng lực, thể chất, nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức tôn trọng pháp luật và trách nhiệm công dân.

Đổi mới khung chương trình, quan tâm hơn đến yêu cầu tăng cường kỹ năng sống, giảm tải nội dung trong các bậc học phổ thông; nâng cao kiến thức chuyên sâu và tác phong công nghiệp trong đào tạo nghề; phát huy tư duy sáng tạo, năng lực tự nghiên cứu ở bậc đại học. Đổi mới mục tiêu, nội dung, hình thức kiểm tra, thi và đánh giá kết quả giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh phân luồng, liên thông trong giáo dục, đào tạo. Phát triển giáo dục đại học theo hướng hình thành cơ sở giáo dục đại học định hướng nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng và cơ sở giáo dục đại học định hướng thực hành. Phát triển đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu đổi mới. Gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và thu hút các nhà khoa học tham gia giảng dạy.

Phát triển hợp lý và bảo đảm bình đẳng giữa giáo dục công lập và giáo dục ngoài công lập. Ngân sách nhà nước bảo đảm cho giáo dục phổ cập; tiếp tục kiên cố hóa trường, lớp học công lập. Khuyến khích xã hội hóa đầu tư phát triển các trường chất lượng cao ở tất cả các cấp học và trình độ đào tạo. Giao quyền tự chủ cho các cơ sở giáo dục, đào tạo, nhất là các trường đại học, trường dạy nghề. Thí điểm chuyển đổi mô hình trường công lập sang cơ sở giáo dục do cộng đồng, doanh nghiệp quản lý và đầu tư phát triển. Đẩy mạnh dạy nghề và gắn kết đào tạo với doanh nghiệp. Phân cấp quản lý hợp lý trong đào tạo nghề. Quan tâm phát triển giáo dục, dạy nghề trong đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng khó khăn. Hoàn thiện chính sách tín dụng ưu đãi cho học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Khuyến khích hình thành các quỹ học bổng giúp học sinh, sinh viên nghèo vượt khó, học giỏi. Có cơ chế đặc thù để tuyển chọn và trọng dụng nhân tài.

Tăng cường quản lý nhà nước về nguồn nhân lực, gắn kết cung - cầu. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo điều kiện hỗ trợ dịch chuyển lao động và phân bố lao động hợp lý, hiệu quả.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ. Tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ và xây dựng hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, phát huy năng lực sáng tạo của mọi cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do sáng tạo trong hoạt động nghiên cứu, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học. Khuyến khích và tạo thuận lợi cho doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Tăng cường hoạt động nghiên cứu khoa học trong các trường đại học. Đổi mới cơ chế quản lý, nhất là cơ chế tự chủ về tài chính, tổ chức và hoạt động của tổ chức khoa học, công nghệ công lập. Hoàn thiện thể chế định giá tài sản trí tuệ, tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, xử lý nghiêm các vi phạm. Hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao và kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu công nghệ.

Có cơ chế đặc thù để phát triển các cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ trọng điểm theo mô hình tiên tiến và triển khai những dự án khoa học, công nghệ quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Thực hiện cơ chế đặt hàng, đấu thầu, khoán kinh phí theo kết quả đầu ra và công khai, minh bạch chi phí, kết quả nghiên cứu. Giao quyền sở hữu kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước cho tổ chức, cá nhân chủ trì nghiên cứu, đồng thời có cơ chế phân chia lợi ích hợp lý. Nâng cao hiệu quả hoạt động các quỹ về phát triển khoa học, công nghệ; khuyến khích các quỹ đầu tư mạo hiểm. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá độc lập, tư vấn, phản biện, giám định xã hội đối với hoạt động khoa học, công nghệ.

Sử dụng hiệu quả nguồn vốn ngân sách nhà nước và có cơ chế, chính sách thu hút các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư nghiên cứu phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ. Xây dựng một số viện nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ hiện đại, phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo và vườn ươm công nghệ. Tạo thuận lợi thúc đẩy phát triển mạnh doanh nghiệp khoa học, công nghệ. Có chính sách đào tạo, phát triển, trọng dụng và tôn vinh đội ngũ khoa học, công nghệ. Khuyến khích các nhà khoa học là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ tại Việt Nam.

5. Phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân

Phát triển bền vững văn hóa, xã hội; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân. Thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc, lồng ghép hiệu quả các mục tiêu phát triển bền vững vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng ngành, từng địa phương.

Tiếp tục hoàn thiện chính sách, nâng cao mức sống người có công. Rà soát, hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về an sinh xã hội. Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nhất là các vùng đặc biệt khó khăn và có chính sách đặc thù để giảm nghèo nhanh hơn trong đồng bào dân tộc thiểu số. Chú trọng các giải pháp tạo điều kiện và khuyến khích hộ nghèo, cận nghèo phấn đấu tự vươn lên thoát nghèo bền vững. Khuyến khích nâng cao khả năng tự bảo đảm an sinh xã hội của người dân. Thực hiện tốt chính sách việc làm công, chính sách bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ có thời hạn cho người lao động mất việc khu vực công. Hỗ trợ phát triển sản xuất, tạo việc làm, học nghề và đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài. Mở rộng đối tượng tham gia, nâng cao hiệu quả của hệ thống, đổi mới cơ chế tài chính, bảo đảm phát triển bền vững quỹ bảo hiểm xã hội. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, khuyến khích tham gia của cộng đồng, nâng cao hiệu quả công tác trợ giúp xã hội. Thực hiện chuẩn nghèo theo phương pháp tiếp cận đa chiều, bảo đảm mức tối thiểu về thu nhập và các dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân như giáo dục, y tế, nhà ở, nước sạch, thông tin.

Cải cách chính sách tiền lương, tiền công theo nguyên tắc thị trường, phù hợp với tăng năng suất lao động. Thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở, mức lương tối thiểu theo lộ trình phù hợp, bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động đang làm việc cũng như người đã nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn, thực sự đại diện quyền lợi cho người lao động, giải quyết kịp thời các tranh chấp.

Thực hiện cơ chế đối thoại và thỏa thuận về tiền lương giữa các bên, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ. Có cơ chế để công đoàn, tổ chức đại diện cho người lao động và tổ chức đại diện người sử dụng lao động giám sát thực hiện thỏa ước lao động tập thể. Nghiên cứu điều chỉnh tuổi nghỉ hưu phù hợp. Tăng cường quản lý lao động nước ngoài tại Việt Nam. Tiếp tục hoàn thiện chính sách tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quản lý nhân lực và hệ thống chỉ tiêu đánh giá năng suất lao động. Thực hiện tốt chính sách bảo hộ lao động.

Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng ở tất cả các tuyến. Quan tâm chăm sóc sức khỏe ban đầu, phát triển hệ thống y tế dự phòng, chủ động phòng bệnh, không để xảy ra dịch bệnh lớn. Thực hiện đồng bộ các giải pháp khắc phục nhanh tình trạng quá tải bệnh viện. Hoàn thiện mạng lưới cơ sở y tế, nhất là miền núi, biên giới, hải đảo; hoàn thành việc xây dựng một số bệnh viện tuyến cuối; nhân rộng mô hình bệnh viện vệ tinh và bác sĩ gia đình. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng tiêu chuẩn quản lý và kiểm tra chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh. Tăng cường đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế cả về số lượng và chất lượng. Nâng cao trình độ chuyên môn, trách nhiệm và ý thức của đội ngũ cán bộ y tế. Chú trọng phát triển nhân lực y tế trình độ cao, tăng cường nhân lực y tế cho khu vực nông thôn, miền núi, biên giới, hải đảo.

Tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển y tế ngoài công lập, thí điểm hình thành cơ sở khám, chữa bệnh theo hình thức hợp tác công - tư và mô hình quản lý bệnh viện như doanh nghiệp công ích. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân. Đổi mới cơ chế tài chính, điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo lộ trình, tính đúng, tính đủ và bảo đảm công khai, minh bạch; đồng thời hỗ trợ phù hợp cho các đối tượng chính sách, người nghèo, người yếu thế.

Khuyến khích phát triển công nghiệp dược và y học cổ truyền. Tăng cường quản lý thuốc chữa bệnh. Đẩy mạnh công tác bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Chú trọng công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình, cải thiện tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Cùng với nâng cao chất lượng cuộc sống, phấn đấu tuổi thọ trung bình đến năm 2020 đạt 74 - 75 tuổi.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa. Phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, giữ gìn bản sắc tốt đẹp của dân tộc. Chủ động hợp tác và giao lưu quốc tế về văn hóa, quảng bá văn hoá Việt Nam, tiếp nhận có chọn lọc tinh hoa văn hóa thế giới, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển. Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện và môi trường văn hoá lành mạnh, văn minh trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, khắc phục các biểu hiện xuống cấp về đạo đức xã hội. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế văn hóa. Xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa tiêu biểu, tăng cường sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội.

Khuyến khích tự do sáng tạo trong hoạt động văn hóa, văn học - nghệ thuật đi đôi với đề cao trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội của văn nghệ sĩ, các nhà văn hóa. Làm tốt

công tác bảo vệ bản quyền tác giả. Thực hiện tốt các chính sách về dân tộc, tôn giáo và bảo đảm tự do tín ngưỡng, tôn giáo.

Phát triển hiệu quả, lành mạnh hệ thống báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình đáp ứng yêu cầu xây dựng, bảo vệ đất nước và nhu cầu thụ hưởng ngày càng cao của nhân dân. Phát triển thể dục, thể thao cho mọi người và thể thao thành tích cao, chuyên nghiệp. Quan tâm chăm sóc và bảo vệ sức khỏe bà mẹ, trẻ em. Chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi. Thực hiện hiệu quả các giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động văn hoá, xã hội.

6. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Tăng cường quản lý nhà nước, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách và thực hiện đồng bộ các giải pháp chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các vi phạm; đồng thời tăng cường thông tin truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm của người dân.

Nâng cao năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai, giám sát biến đổi khí hậu. Đề cao trách nhiệm của các ngành, các cấp, các lực lượng vũ trang; phát huy vai trò của cộng đồng, của doanh nghiệp và tăng cường hợp tác quốc tế, thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ. Nâng cao khả năng chống chịu; huy động nguồn lực đầu tư các công trình, dự án ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; phòng, chống ngập úng đô thị. Kịp thời di dời đồng bào ra khỏi khu vực bị sạt lở.

Đẩy mạnh điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, hoàn thiện quy hoạch và tăng cường quản lý, giám sát, sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm các nguồn tài nguyên. Khai thác, sử dụng khoáng sản gắn với bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa xuất khẩu nguyên liệu thô. Thực hiện việc đấu thầu quyền khai thác, hoạt động khai thác khoáng sản. Nâng cao chất lượng xây dựng quy hoạch, kế hoạch và quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất. Khai thác và sử dụng bền vững nguồn nước; chủ động hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ và sử dụng nguồn nước xuyên quốc gia.

Cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ và xử lý môi trường. Kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm. Khắc phục có hiệu quả ô nhiễm môi trường do chiến tranh để lại. Quy hoạch và xây dựng các công trình xử lý rác thải tập trung theo vùng, cụm xã. Hạn chế, tiến tới ngăn chặn căn bản tình trạng ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, lưu vực sông, khu và cụm công nghiệp, khu đô thị và khu dân cư tập trung ở nông thôn. Tập trung xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng. Kiểm soát chất lượng không khí ở khu vực đô thị có mật độ dân cư cao. Thực hiện quy chuẩn, tiêu chuẩn phát thải và công nghệ theo lộ trình phù hợp. Tăng cường bảo vệ và phát triển rừng bền vững, nhất là rừng phòng hộ ven biển, rừng đầu nguồn, rừng đặc dụng; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo và các nguyên liệu, vật liệu mới, thân thiện với môi trường.

7. Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Tiếp tục hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, bảo đảm chặt chẽ, công khai, minh bạch và thực hiện đồng bộ các giải pháp về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tập trung vào các lĩnh vực dễ phát sinh tiêu cực. Kiện toàn mô hình tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy phòng, chống tham nhũng. Thực hiện nghiêm quy định về kê khai, kiểm soát kê khai tài sản, thu nhập của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý; hạn chế giao dịch bằng tiền mặt. Chú trọng giáo dục phẩm chất đạo đức và trách nhiệm công vụ. Đề cao, quy định rõ trách nhiệm của tổ chức đảng và người đứng đầu tổ chức, cơ quan, đơn vị trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử và xử lý nghiêm, đúng pháp luật các hành vi tham nhũng, lãng phí. Tăng cường giám sát và phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Thiết lập cơ chế giám sát và kiểm soát quyền lực hiệu quả. Phát huy vai trò giám sát của cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Làm tốt công tác tiếp nhận thông tin và xử lý khiếu nại, tố cáo. Có cơ chế, chính sách hữu hiệu để khuyến khích, khen thưởng và bảo vệ an toàn cho người phát hiện, tố cáo tham nhũng. Đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục, phát huy vai trò và trách nhiệm của cơ quan thông tin truyền thông trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Nghiêm trị những hành vi lợi dụng chống tham nhũng để vu khống, tố cáo sai sự thật. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong phòng, chống tham nhũng.

8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm quyền tự do, dân chủ của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tuân thủ pháp luật

Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, vững mạnh. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và định hướng phát triển kinh tế - xã hội. Tập trung tạo dựng thể chế, luật pháp, cơ chế, chính sách và môi trường, điều kiện thuận lợi, an toàn để kinh tế thị trường vận hành đầy đủ, thông suốt, hiệu quả và hội nhập quốc tế; phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ, tự do sáng tạo của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội.

Phân định rõ chức năng của Nhà nước và chức năng của thị trường. Nhà nước quản lý và định hướng phát triển kinh tế - xã hội bằng pháp luật, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết phù hợp với kinh tế thị trường, giảm thiểu can thiệp bằng mệnh lệnh hành chính.

Hoàn thiện hệ thống pháp luật, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế. Tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan nhà nước nhằm phục vụ tốt nhất người dân và doanh nghiệp. Khuyến khích, hỗ trợ cho mọi ý tưởng sáng tạo, thúc đẩy đổi mới, phát triển, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ, văn hóa, nghệ thuật,...

Xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, kỷ cương, năng động, hiệu lực, hiệu quả, lấy kết quả phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp là tiêu chí đánh giá. Tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Tập trung xây dựng đội

ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất đạo đức, năng lực công tác, tinh thần trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cao. Thực hiện tinh giản biên chế gắn với cải cách tiền lương. Đổi mới công tác tuyển dụng, đề bạt cán bộ, công chức, bảo đảm cạnh tranh, công khai, minh bạch. Đánh giá cán bộ, công chức phải trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ. Người đứng đầu cơ quan trong bộ máy nhà nước phải chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và phải được trao quyền quyết định tương ứng về tổ chức, cán bộ. Có chế tài xử lý thích đáng những cán bộ vi phạm pháp luật, nhất là cán bộ giữ vị trí lãnh đạo, quản lý.

Tập trung cải cách thủ tục hành chính theo hướng tinh giản, gắn với nâng cao chất lượng chính sách, pháp luật; quy định rõ cơ quan chịu trách nhiệm đối với từng thủ tục hành chính. Chỉ quy định những thủ tục hành chính thực sự cần thiết, hợp lý, đúng pháp luật và tạo thuận lợi nhất cho người dân, doanh nghiệp. Công khai, minh bạch các quy trình, thủ tục hành chính. Bảo đảm quyền tự do của người dân, doanh nghiệp trong hoạt động kinh tế đi đôi với tuân thủ pháp luật. Thiết lập hệ thống thông tin tiếp nhận, xử lý kiến nghị và kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công và thực hiện chính phủ điện tử. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật.

Hoàn thiện cơ chế phân cấp, bảo đảm thống nhất, thông suốt trong lãnh đạo, quản lý, điều hành từ Trung ương đến cơ sở. Xây dựng không gian phát triển kinh tế thống nhất trên cả nước, trong từng vùng theo nguyên tắc kết hợp chặt chẽ giữa quản lý theo ngành với quản lý theo lãnh thổ. Phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm trong quản lý kinh tế, xã hội giữa Trung ương và địa phương, bảo đảm sự tập trung thống nhất quản lý của Trung ương và phát huy tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của các cấp chính quyền địa phương. Hoàn thiện cơ chế phân cấp đầu tư, ngân sách, bảo đảm quản lý thống nhất về quy hoạch phát triển và cân đối nguồn lực.

Hoàn thiện tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương bảo đảm phục vụ tốt nhất người dân, doanh nghiệp. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội đối với chính quyền các cấp. Tập trung vào cung cấp dịch vụ công, bảo đảm an sinh xã hội, an toàn xã hội, nâng cao phúc lợi xã hội và cải thiện đời sống cho người dân. Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy phù hợp đối với chính quyền đô thị, hải đảo.

9. Tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội

Thực hiện tốt Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia, bảo đảm ổn định chính trị - xã hội và môi trường hòa bình để xây dựng, bảo vệ đất nước; không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; ưu tiên hiện đại hoá một số quân chủng, binh chủng, lực lượng; bảo đảm số lượng hợp lý, có sức chiến đấu cao, hoàn thành tốt nhiệm vụ. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hoạt động của các lực lượng thực thi pháp luật trên biển. Chú trọng xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên; phát triển công nghiệp quốc

phòng, an ninh. Đẩy mạnh tuyên truyền trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

Kết hợp tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; các dự án phát triển kinh tế, xã hội trong các khu vực phòng thủ phải bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh, nhất là ở những vị trí trọng yếu, chiến lược. Xây dựng đường tuần tra biên giới. Nâng cao hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế - quốc phòng và phát triển bền vững kinh tế, xã hội khu vực dọc biên giới và biển, đảo. Có chính sách phù hợp để triển khai thực hiện một số nhiệm vụ đặc thù về quốc phòng, an ninh.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh, tranh thủ sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế để duy trì môi trường hòa bình, củng cố quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền quốc gia, khẩn trương hoàn thành phân định biên giới. Tham gia hoạt động giữ gìn hòa bình của Liên hợp quốc phù hợp với điều kiện của Việt Nam.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn. Đẩy mạnh phòng, chống, đẩy lùi tội phạm, tệ nạn xã hội. Tăng cường an ninh, an toàn thông tin mạng. Bảo đảm trật tự, an toàn và giảm tai nạn giao thông.

10. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập, hợp tác quốc tế trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Đưa quan hệ với các đối tác đi vào chiều sâu, thiết thực, hiệu quả. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại đa phương, nhất là trong ASEAN, Liên hợp quốc. Tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực trong bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền quốc gia. Kiên trì thúc đẩy giải quyết các tranh chấp trên biển bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế và nguyên tắc ứng xử của khu vực.

Triển khai đồng bộ hoạt động đối ngoại, cả về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội. Thực hiện hiệu quả các cam kết quốc tế và chủ động, tích cực đàm phán, ký kết các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; khai thác tối đa các cơ hội thuận lợi, hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực để mở rộng thị trường, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài cho phát triển. Nâng cao năng lực giải quyết các tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế.

Nâng cao chất lượng công tác tham mưu về đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác thông tin đối ngoại, hội nhập quốc tế, tạo đồng thuận trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ đất nước.

Đẩy mạnh công tác người Việt Nam ở nước ngoài. Khuyến khích và hỗ trợ đồng bào ta ở nước ngoài đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau để phát triển và hòa nhập tốt với cộng đồng nước sở tại, đóng góp vào tăng cường hữu nghị, hợp tác giữa Việt Nam với các nước. Tạo thuận lợi

để kiều bào tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước. Làm tốt công tác bảo hộ công dân ở nước ngoài.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy đảng, các đảng đoàn, ban cán sự đảng chỉ đạo quán triệt phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, các cấp, các ngành và tăng cường lãnh đạo, tạo sự thống nhất về nhận thức, hành động và chỉ đạo triển khai thực hiện.

2. Xây dựng cơ chế và đưa vào nền nếp việc thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ, khi xuất hiện những vấn đề cần đổi mới mà chưa có chủ trương, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị quyết định việc thực hiện thí điểm.

3. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội và nhân dân trong việc thực hiện và giám sát thực hiện phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020.

BÁO CÁO.....	1
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN	1
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	1
5 NĂM 2011 - 2015 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG.....	1
NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	1
5 NĂM 2016 - 2020.....	1
I- CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC.....	2
1. Lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định	2
2. Tăng trưởng kinh tế được duy trì ở mức hợp lý, từ năm 2013 dần phục hồi, năm sau cao hơn năm trước; chất lượng tăng trưởng được nâng lên	2
3. Ba đột phá chiến lược được tập trung thực hiện và đạt kết quả tích cực	3
3.1. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn thiện; môi trường đầu tư, kinh doanh và năng lực cạnh tranh có bước được cải thiện	3
3.2. Phát triển nguồn nhân lực và khoa học, công nghệ đạt được những kết quả tích cực	3
3.3. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đạt kết quả quan trọng.....	4
4. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng đạt được kết quả bước đầu.....	4
4.1. Cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công	5
4.2. Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tài chính, tín dụng	5
4.3. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty.....	5
4.4. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.....	6
4.5. Cơ cấu lại công nghiệp, dịch vụ và điều chỉnh quy hoạch phát triển vùng	6
5. Văn hóa, xã hội có bước phát triển, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện.....	7
6. Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu được tăng cường	8
7. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; cải cách hành chính đạt những kết quả tích cực; công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí được chú trọng.....	8
8. Quốc phòng, an ninh được tăng cường, chủ quyền quốc gia được giữ vững.....	9
9. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế được chủ động đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực.....	9
II- CÁC HẠN CHẾ, YẾU KÉM.....	10
1. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định nhưng chưa vững chắc	10
2. Kinh tế phục hồi còn chậm, tăng trưởng chưa đạt chỉ tiêu đề ra; chất lượng tăng trưởng một số mặt còn thấp.....	10
3. Thực hiện các đột phá chiến lược và tạo nền tảng để đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại chưa đạt mục tiêu đề ra	10
3.1. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn nhiều vướng mắc, chưa tạo được đột phá thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.....	10
3.2. Phát triển nguồn nhân lực và ứng dụng khoa học, công nghệ còn chậm	11
3.3. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển	11
4. Thực hiện cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng còn chậm, chưa đồng bộ.....	12
5. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội còn nhiều mặt yếu kém, khắc phục còn chậm	13
6. Ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường còn hạn chế.....	14
7. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước nhiều mặt còn hạn chế	14

8. Sự gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh chưa thật chặt chẽ.....	15
9. Công tác đối ngoại và hội nhập kinh tế quốc tế có mặt chưa thật chủ động và hiệu quả chưa cao	15
I- BỐI CẢNH QUỐC TẾ VÀ TRONG NƯỚC TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI	17
II- QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI.....	18
III- MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU	19
1. Mục tiêu tổng quát	19
2. Các chỉ tiêu chủ yếu	19
2.1. Về kinh tế	19
2.2. Về xã hội.....	19
2.3. Về môi trường.....	19
IV- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU	20
1. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường và động lực cho phát triển kinh tế - xã hội.....	20
2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, hiệu quả và sức cạnh tranh	22
2.1. Cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới.....	22
2.2. Đẩy mạnh cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa	24
2.3. Phát triển các ngành dịch vụ	24
2.4. Phát triển kinh tế biển	25
2.5. Phát triển các vùng và khu kinh tế	25
2.6. Tạo môi trường thuận lợi phát triển doanh nghiệp	26
3. Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng và đô thị	27
4. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tăng cường tiềm lực khoa học, công nghệ	28
5. Phát triển văn hóa, xã hội, nâng cao đời sống nhân dân.....	29
6. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường .	31
7. Phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.....	32
8. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và bảo đảm quyền tự do, dân chủ của người dân trong phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tuân thủ pháp luật	32
9. Tăng cường quốc phòng, an ninh, kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia và bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.....	33
10. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, giữ vững môi trường hòa bình và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển đất nước.....	34
TỔ CHỨC THỰC HIỆN	35